

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Thu Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN
BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : Trần Thị Thu Thảo

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thu Thảo

Mã SV: 1113401034

Lớp: QTL501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty
TNHH Một thành viên Huy Ngọc

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp.
 - Khảo sát và đánh giá thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập
 - Đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại đơn vị thực tập

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu năm 2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thúy Hồng**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Một thành viên Huy Ngọc

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Trần Thị Thu Thảo

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tình thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có tinh thần và thái độ nghiêm túc trong quá trình làm tốt nghiệp.
- Hoàn thành đúng thời gian quy định

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu khoa học và hợp lý, được chia thành 3 chương:

- Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán vốn bằng tiền trong doanh nghiệp. Tác giả đã thu thập, tổng hợp và khái quát những vấn đề lý luận chung liên quan đến phạm vi nghiên cứu của đề tài một cách rõ ràng, chi tiết và khoa học. Đối với việc hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển đều được hạch toán bằng sơ đồ kế toán rất ngắn gọn và khoa học.
- Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán bằng tiền tại Công ty TNHH Một thành viên Huy Ngọc. Tác giả trình bày tương đối khoa học và hợp lý phần hạch toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng tại đơn vị thực tập theo hình thức kế toán Nhật ký chung số liệu minh họa tháng 12 năm 2012. Số liệu được dẫn dắt từ chứng từ vào đến sổ sách tương đối logic và hợp lý.
- Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán vốn bằng tiền tại Công ty TNHH Một thành viên Huy Ngọc: Tác giả đã đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. Các ý kiến đưa ra đều có cơ sở khoa học, hợp lý.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP	6
1.1.Lý luận chung về kế toán vốn bằng tiền	6
1.1.1.Khái niệm vốn bằng tiền	6
1.1.2.Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền	6
1.1.3.Nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền.....	7
1.2.Kế toán tổng hợp vốn bằng tiền	7
1.2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ	7
1.2.1.1.Khái niệm tiền mặt tại quỹ	7
1.2.1.2.Chứng từ sử dụng	7
1.2.1.3.Tài khoản, kết cấu và nội dung kế toán sử dụng.....	8
1.2.1.4.Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	9
1.2.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng	12
1.2.2.1.Khái niệm tiền gửi ngân hàng	12
1.2.2.2.Chứng từ sử dụng	12
1.2.2.3.Tài khoản, kết cấu và nội dung kế toán sử dụng:	12
1.2.2.4.Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:	13
1.2.3.Kế toán tiền đang chuyển	17
1.2.3.1.Khái niệm tiền đang chuyển	17
1.2.3.2.Chứng từ sử dụng	17
1.2.3.3.Tài khoản, kết cấu và nội dung kế toán sử dụng:	17
1.2.3.4.Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	17
1.3.Hình thức kế toán trong công tác kế toán vốn bằng tiền	19
1.3.1.Nhật ký chung.....	19
1.3.2.Nhật ký-Sổ cái	21
1.3.3.Chứng từ ghi sổ	24
1.3.4.Nhật ký-Chứng từ	27

1.3.5.Kế toán trên máy vi tính	30
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC	32
2.1.Tổng quan về công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc	32
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc	32
2.1.2.Một số thuận lợi, khó khăn của công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc ...	32
2.1.2.1.Thuận lợi	32
2.1.2.2.Khó khăn	33
2.1.3.Chức năng và nhiệm vụ của công ty	33
2.1.3.1.Chức năng	33
2.1.3.2.Nhiệm vụ.....	33
2.1.4.Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty.....	34
2.1.5.Tổ chức công tác kế toán tại công ty	36
2.1.5.1.Tổ chức bộ máy kế toán	36
2.1.5.2.Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại công ty	37
2.1.5.3.Tổ chức hệ thống tài khoản tại công ty	37
2.1.5.4.Hình thức kế toán được áp dụng tại công ty.....	37
2.2.Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc.....	39
2.2.1.Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc	39
2.2.1.1.Chứng từ, tài khoản.....	39
2.2.1.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty.....	39
2.2.1.3.Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại quỹ của công ty	41
2.2.2.Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc	55
2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản.....	55
2.2.2.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty.....	56
2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty.....	57
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN.....	72

CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC	72
3.1.Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc.....	73
3.1.1.Uu điểm.....	74
3.1.2.Hạn chế.....	75
3.2.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc	76
KẾT LUẬN	88

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Sơ đồ 1.1: Kế toán tiền mặt (VNĐ)	16
Sơ đồ 1.2: Kế toán tiền mặt (ngoại tệ)	17
Sơ đồ 1.3: Kế toán tiền mặt (vàng bạc, kim khí, đá quý)	18
Sơ đồ 1.4: Kế toán tiền gửi ngân hàng (VNĐ)	21
Sơ đồ 1.5: Kế toán tiền gửi ngân hàng (ngoại tệ)	22
Sơ đồ 1.6: Kế toán tiền gửi ngân hàng (vàng bạc, kim khí, đá quý)	23
Sơ đồ 1.7: Kế toán tiền đang chuyển	25
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo	27
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	33
Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ	36
Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo	38
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH MTV Huy Ngọc	41
Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Huy Ngọc	43
Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH MTV Huy Ngọc	45
Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại công ty TNHH MTV Huy Ngọc	47
Biểu 2.2.1.3.1: Giấy thanh toán tiền tạm ứng	49
Biểu 2.2.1.3.2: Hóa đơn GTGT 0015762	50
Biểu 2.2.1.3.3: Phiếu thu số 301	51
Biểu 2.2.1.3.4: Hóa đơn GTGT 0000451	53
Biểu 2.2.1.3.5: Phiếu thu số 316	54
Biểu 2.2.1.3.6: Hóa đơn GTGT tiền điện tháng 11	56
Biểu 2.2.1.3.7: Phiếu chi số 201	57
Biểu 2.2.1.3.8: Phiếu chi số 216	58
Biểu 2.2.1.3.9: Trích sổ quỹ tháng 12 năm 2012	59
Biểu 2.2.1.3.10: Trích sổ nhật ký chung tháng 12	60
Biểu 2.2.1.3.11: Trích sổ cái tiền mặt tháng 12	61

Sơ đồ 2.5 .Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng	63
Biểu 2.2.2.3.1: Giấy báo có số 08	65
Biểu 2.2.2.3.2: Phiếu chi số 178	66
Biểu 2.2.2.3.3: Hóa đơn GTGT số 0000460	68
Biểu 2.2.2.3.4: Giấy báo Có 16.....	69
Biểu 2.2.2.3.5: Hóa đơn GTGT số 0068730	71
Biểu 2.2.2.3.6: Ủy nhiệm chi số 12.....	72
Biểu 2.2.2.3.7: Giấy báo Nợ 06.....	73
Biểu 2.2.2.3.8: Trích sổ nhật ký chung năm 2012	74
Biểu 2.2.2.3.9: Trích sổ cái tiền gửi ngân hàng tháng 12	75
Biểu 2.2.2.3.10: Trích sổ tiền gửi ngân hàng Vietcombank HP tháng 12	76
Biểu 2.2.2.3.11: Trích sổ tiền gửi ngân hàng TMCP Á Châu tháng 12.....	77
Biểu 2.2.2.3.12: Trích bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng tháng 12	78
Biểu 3.2.1:Mẫu bảng kê chi tiền	85
Biểu 3.2.2: Trích bảng kê chi tiền tháng 12	86
Biểu 3.3.3: Mẫu sổ nhật ký thu tiền	87
Biểu 3.3.4: Trích sổ nhật ký thu tiền tháng 12.....	88
Biểu 3.3.5: Mẫu sổ nhật ký chi tiền	89
Biểu 3.3.6: Trích sổ nhật ký chi tiền T12.....	90

LỜI MỞ ĐẦU

Trong suốt những năm đổi mới vừa qua, kể từ khi đất nước chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, vấn đề đặt ra ở đây là hiệu quả kinh tế. Để đạt được mục tiêu đó thì doanh nghiệp phải thường xuyên kiểm tra đánh giá đầy đủ, mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Một trong những chỉ tiêu đánh giá là thông qua sự luân chuyển vốn bằng tiền của doanh nghiệp. Trong quá trình sản xuất kinh doanh ở bất kỳ doanh nghiệp nào áp dụng chế độ hạch toán kế toán đều phát sinh những mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác. Tất cả các nghiệp vụ thanh toán, mọi hoạt động của doanh nghiệp đều liên quan đến các khoản tiền. Vốn bằng tiền là tài sản nằm trong lĩnh vực lưu thông, là một bộ phận của vốn kinh doanh được tồn tại dưới trạng thái tiền tệ ở một thời điểm nhất định của quá trình tuần hoàn và luân chuyển vốn. Như vậy, qua sự luân chuyển của vốn bằng tiền người ta có thể kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của quá trình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

Trong thời gian thực tập tại Công ty em đã đi sâu tìm hiểu, nghiên cứu vốn bằng tiền và kế toán vốn bằng tiền và đã chọn đề tài cho khóa luận tốt nghiệp là **“Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Huy Ngọc”**.

CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Lý luận chung về kế toán vốn bằng tiền

1.1.1. Khái niệm vốn bằng tiền

- Vốn bằng tiền là một bộ phận của vốn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thuộc tài sản lưu động được hình thành chủ yếu trong quá trình bán hàng và trong các quan hệ thanh toán.
- Vốn bằng tiền của doanh nghiệp bao gồm: tiền mặt tồn quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển (kể cả ngoại tệ, vàng bạc đá quý, kim khí quý).

1.1.2. Nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền

- Hạch toán vốn bằng tiền phải sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam, trừ trường hợp được phép sử dụng một đơn vị tiền tệ thông dụng khác.
- Ở những doanh nghiệp có ngoại tệ nhập quỹ tiền mặt hoặc tiền vào Ngân hàng phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái ngày giao giá hối đoái tại ngày giao dịch (Tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế, hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh) để ghi sổ kế toán.
- Trường hợp mua ngoại tệ về nhập quỹ tiền mặt, gửi vào Ngân hàng hoặc thanh toán công nợ ngoại tệ bằng đồng Việt Nam thì được quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua hoặc tỷ giá thanh toán.
- Ngoại tệ được hạch toán chi tiết theo từng loại nguyên tệ trên Tài khoản 007 “Ngoại tệ các loại” (Tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán)
- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phản ánh ở nhóm tài khoản vốn bằng tiền chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp không đăng ký kinh doanh vàng, bạc, kim khí quý, đá quý.
- Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý phải theo dõi số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng thứ, từng loại. Giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được tính theo giá thực tế (giá hóa đơn hoặc giá được thanh toán) khi tính giá xuất của

vàng, bạc, kim khí quý, đá quý có thể áp dụng 1 trong 4 phương pháp tính giá hàng tồn kho

1.1.3. Nhiệm vụ hạch toán vốn bằng tiền

Vốn bằng tiền là một bộ phận vốn lưu động quan trọng của các doanh nghiệp. Nó vận động không ngừng, phức tạp và có tính lưu chuyển rất cao.

Quản lý chặt chẽ vốn bằng tiền là điều kiện tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động, bảo vệ chặt chẽ tài sản, ngăn ngừa các hiện tượng lãng phí, tham ô tài sản của đơn vị.

Để góp phần quản lý tốt tài sản của doanh nghiệp, kế toán vốn bằng tiền cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau đây:

- Phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời số hiện có và tình hình biến động của các loại vốn bằng tiền. Phải đối chiếu sổ sách với thủ quỹ và ngân hàng.
- Tổ chức thực hiện các quy định về chứng từ, thủ tục hạch toán vốn bằng tiền.
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc chấp hành các chế độ, quy định, các thủ tục quản lý về vốn bằng tiền. Phát hiện các trường hợp chi lãng phí, sai chế độ, tham ô, biến thủ tài sản. Xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp quản lý.

1.2. Kế toán tổng hợp vốn bằng tiền

1.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ

1.2.1.1. Khái niệm tiền mặt tại quỹ

- Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ của doanh nghiệp bao gồm: tiền Việt Nam, ngoại tệ tiền mặt, ngân phiếu, vàng, bạc, đá quý.

1.2.1.2. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03 – TT)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng (Mẫu số 04 – TT)
- Giấy đề nghị thanh toán (Mẫu số 05 – TT)
- Biên lai thu tiền (Mẫu số 06 – TT)

- Bảng kê vàng bạc, kim khí, đá quý (Mẫu số 07 – TT)

Ngoài các chứng từ bắt buộc trên, kế toán còn sử dụng một số chứng từ hướng dẫn sau:

- Bảng kiểm kê quỹ (Mẫu số 08a – TT, 08b – TT)
- Bảng kê chi tiền (Mẫu số 09 – TT)

1.2.1.3. Tài khoản, kết cấu và nội dung kế toán sử dụng

- Tài khoản 111 – Tiền mặt có 3 tài khoản cấp 2:

✦ *Tài khoản 1111 – Tiền Việt Nam*: Phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

✦ *Tài khoản 1112 – Ngoại tệ*: Phản ánh tình hình thu, chi, tăng giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra đồng Việt Nam.

✦ *Tài khoản 1113 – Vàng bạc, kim khí, đá quý*: phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

**Kết cấu và nội dung:*

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỉ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ)

Bên Có:

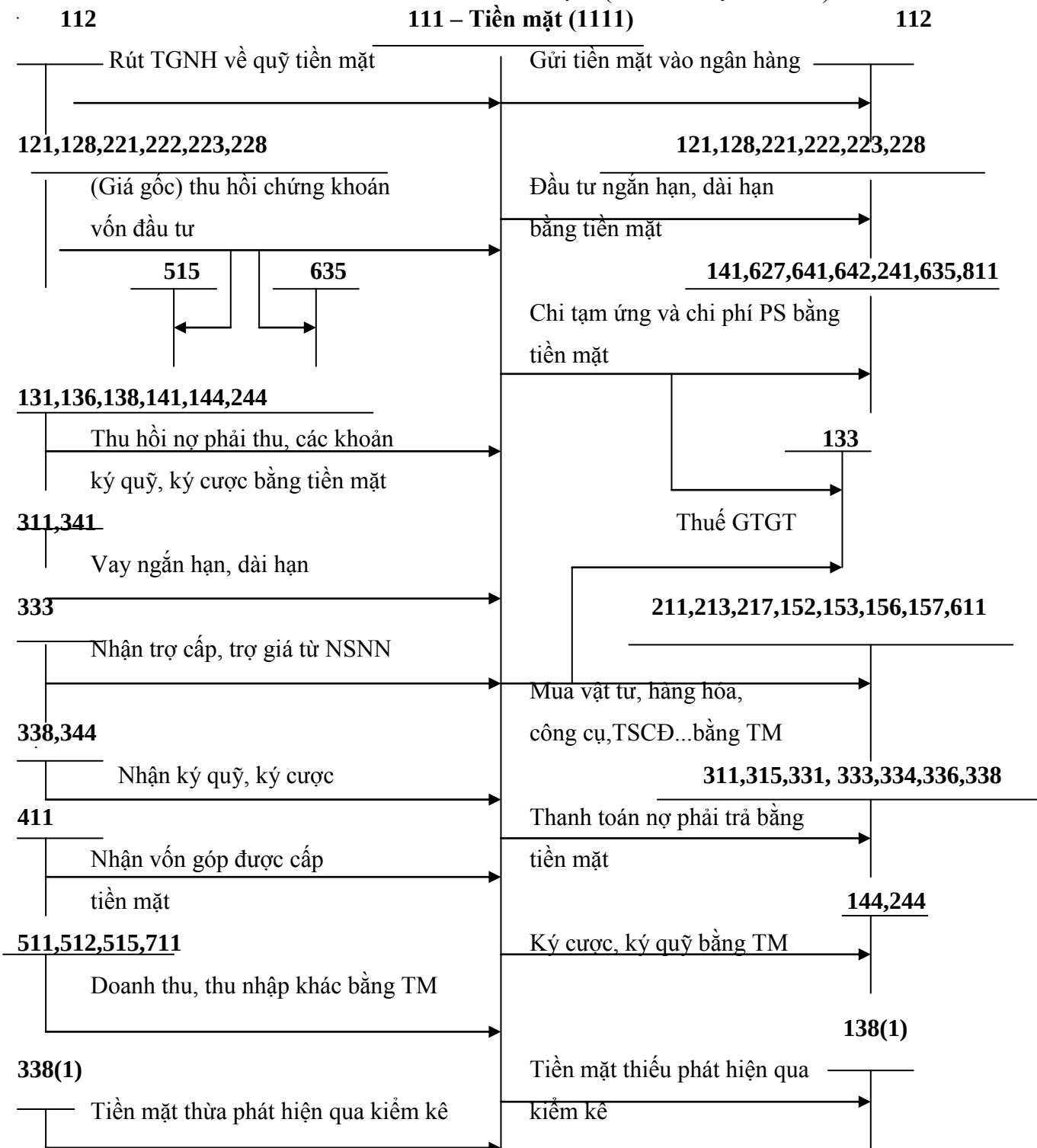
- Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ;
- Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ phát hiện khi kiểm kê;
- Chênh lệch tỉ giá hối đoái giảm do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ (đối với tiền mặt ngoại tệ).

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý còn tồn.

1.2.1.4. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

SƠ ĐỒ 1.1: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (TIỀN VIỆT NAM)



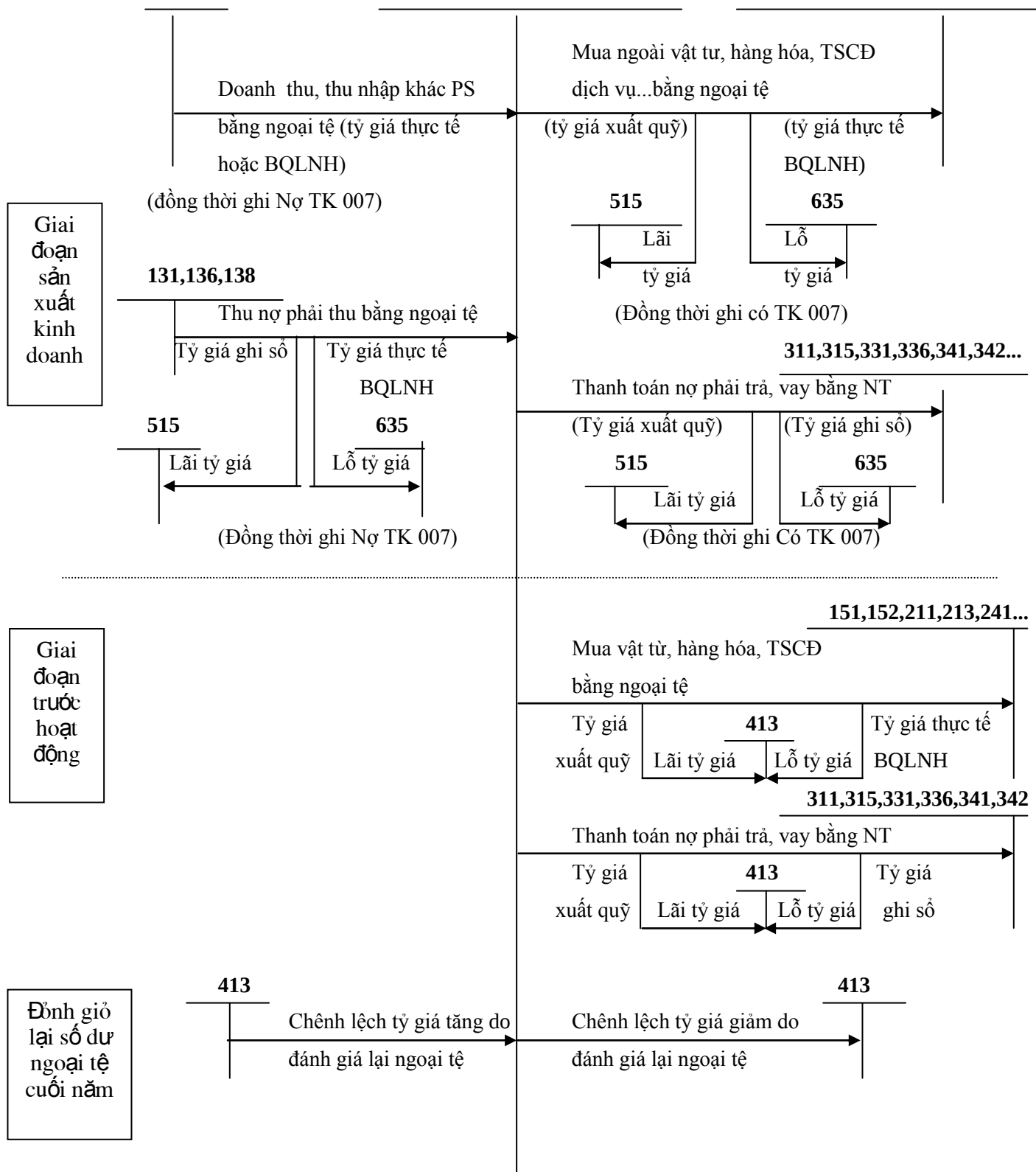
SƠ ĐỒ 1.2: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (NGOẠI TỆ)

151,152,153,156,211,213

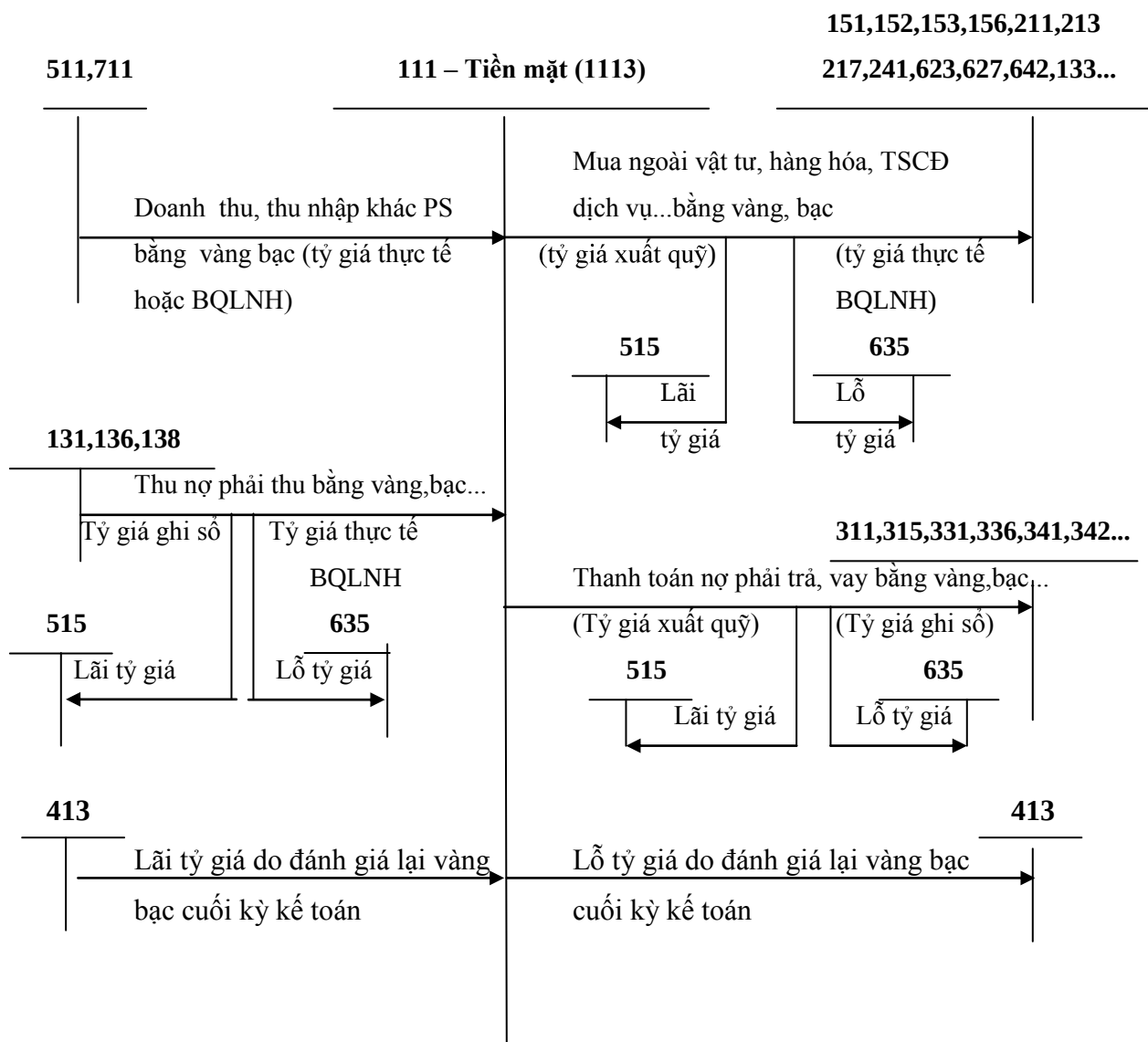
217,241,623,627,642,133...

511,711

111 – Tiền mặt (1112)



SƠ ĐỒ 1.3: KẾ TOÁN TIỀN MẶT (VÀNG BẠC, KIM KHÍ, ĐÁ QUÝ)



1.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng

1.2.2.1. Khái niệm tiền gửi ngân hàng

Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động tăng, giảm các khoản tiền gửi tại Ngân hàng của Doanh nghiệp

1.2.2.2. Chứng từ sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng

▪ Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.

▪ Bản sao kê của Ngân hàng kèm theo chứng từ gốc (ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản, séc bảo chi,...).

❖ Sổ kế toán sử dụng

▪ Sổ cái

▪ Sổ tiền gửi Ngân hàng (Mẫu số S08 – DN)

1.2.2.3. Tài khoản, kết cấu và nội dung kế toán sử dụng:

- TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng có 3 TK cấp 2:

✦ TK 1121 – Tiền Việt Nam: phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng đồng Việt Nam.

✦ TK 1122 – Ngoại tệ: phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ các loại đã quy đổi ra đồng Việt Nam.

✦ TK 1123 – Vàng bạc, kim khí, đá quý: phản ánh giá trị vàng bạc, kim khí, đá quý gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

**Kết cấu và nội dung:*

Bên Nợ:

- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng.

- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Bên Có:

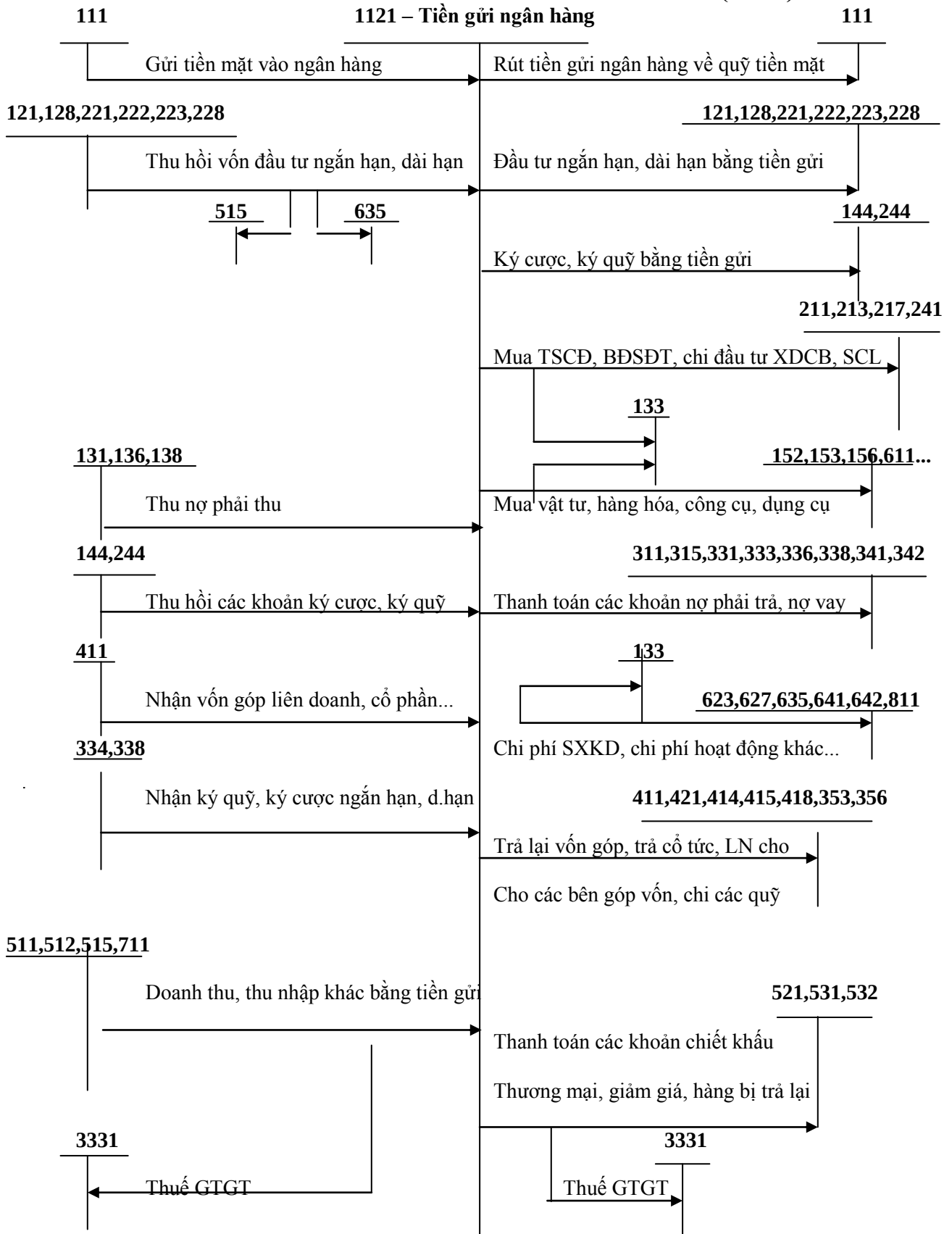
- Các khoản tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng.
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư tiền gửi ngoại tệ cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Số tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi tại ngân hàng.

1.2.2.4. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VNĐ)



SƠ ĐỒ 1.5: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (NGOẠI TỆ)

511,711

112(1122) – Tiền gửi ngân hàng

151,152,153,156,211,213

241,623,627,641,642,133...

Doanh thu, thu nhập bằng ngoại tệ

Mua vật tư, hàng hóa, TSCĐ, DV bằng TGNH

(Tỷ giá thực tế hoặc BQLNH)

(Tỷ giá xuất quỹ)

Tỷ giá thực tế,

BQLNH)

(Đồng thời ghi Nợ TK 007)

(Đồng thời ghi Có TK 007)

515

635

131,136,138

Thu nợ phải thu bằng ngoại tệ

(Đồng thời ghi Có TK 007)

Tỷ giá ghi sổ

Tỷ giá thực tế

311,315,331

BQLNH

336,341,342...

515

635

Thanh toán nợ phải trả, vay...

bằng tiền gửi ngân hàng

(Đồng thời ghi Nợ TK 007)

(Tỷ giá xuất quỹ)

(Tỷ giá ghi sổ)

515

635

(Đồng thời ghi có TK 007)

151,152,211,213,241...

Mua HH,DV,TSCĐ bằng TGNH

(Tỷ giá xuất quỹ)

413(Tỷ giá tt,BQ)

(Đồng thời ghi Có TK 007)

311,315,331,336,341,342...

Thanh toán nợ phải trả, vay bằng TGNH

(Tỷ giá xuất quỹ)

413(Tỷ giá ghi sổ)

(Đồng thời ghi Có TK 007)

413

Lãi tỷ giá hối đoái

413

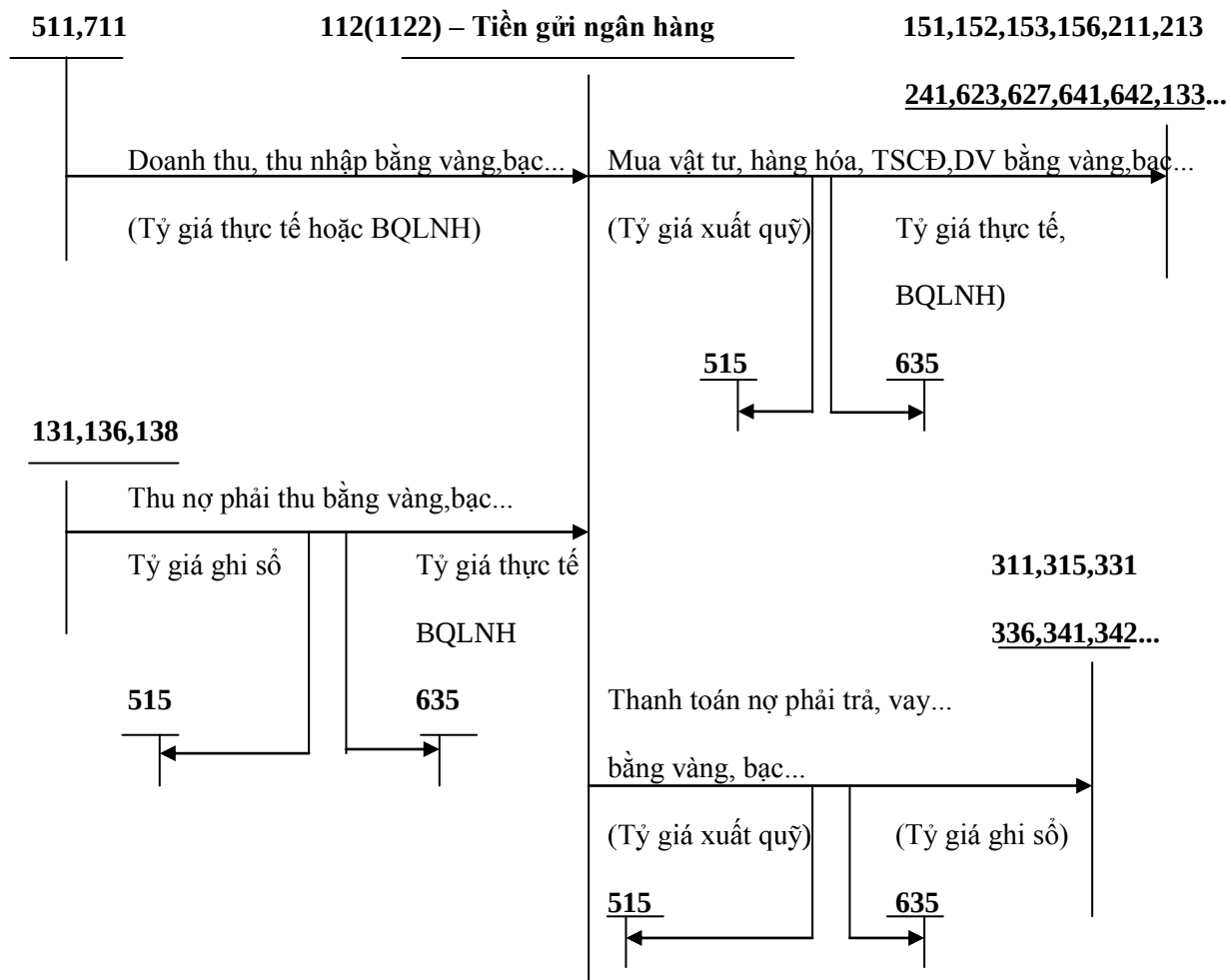
Lỗ tỷ giá hối đoái

Giai đoạn sản xuất kinh doanh

Giai đoạn trước hoạt động

Định giá lại số dư ngoại tệ cuối năm

SƠ ĐỒ 1.6: KẾ TOÁN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG (VÀNG, BẠC, KIM KHÍ, ĐÁ QUÝ)



1.2.3. Kế toán tiền đang chuyển

1.2.3.1. Khái niệm tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển bao gồm tiền Việt Nam và Ngoại tệ của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc nhưng chưa nhận được giấy báo Có của Ngân hàng, kho bạc, hoặc đã làm thủ tục chuyển tiền qua bưu điện để thanh toán nhưng chưa nhận được giấy báo có của đơn vị thụ hưởng.

1.2.3.2. Chứng từ sử dụng

- Hạch toán tăng: Giấy nộp tiền, biên lai thu tiền, phiếu chuyển tiền...
- Hạch toán giảm: Giấy báo có, sổ phụ của ngân hàng, Giấy báo của bưu điện, giấy báo của đơn vị thụ hưởng.

1.2.3.3. Tài khoản, kết cấu và nội dung kế toán sử dụng:

TK 113 – Tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- ✦ TK 1131 – Tiền Việt Nam: phản ánh số tiền Việt Nam đang chuyển.
- ✦ TK 1132 – Ngoại tệ: phản ánh số ngoại tệ đang chuyển.

**Kết cấu và nội dung:*

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận giấy báo Có;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do danh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

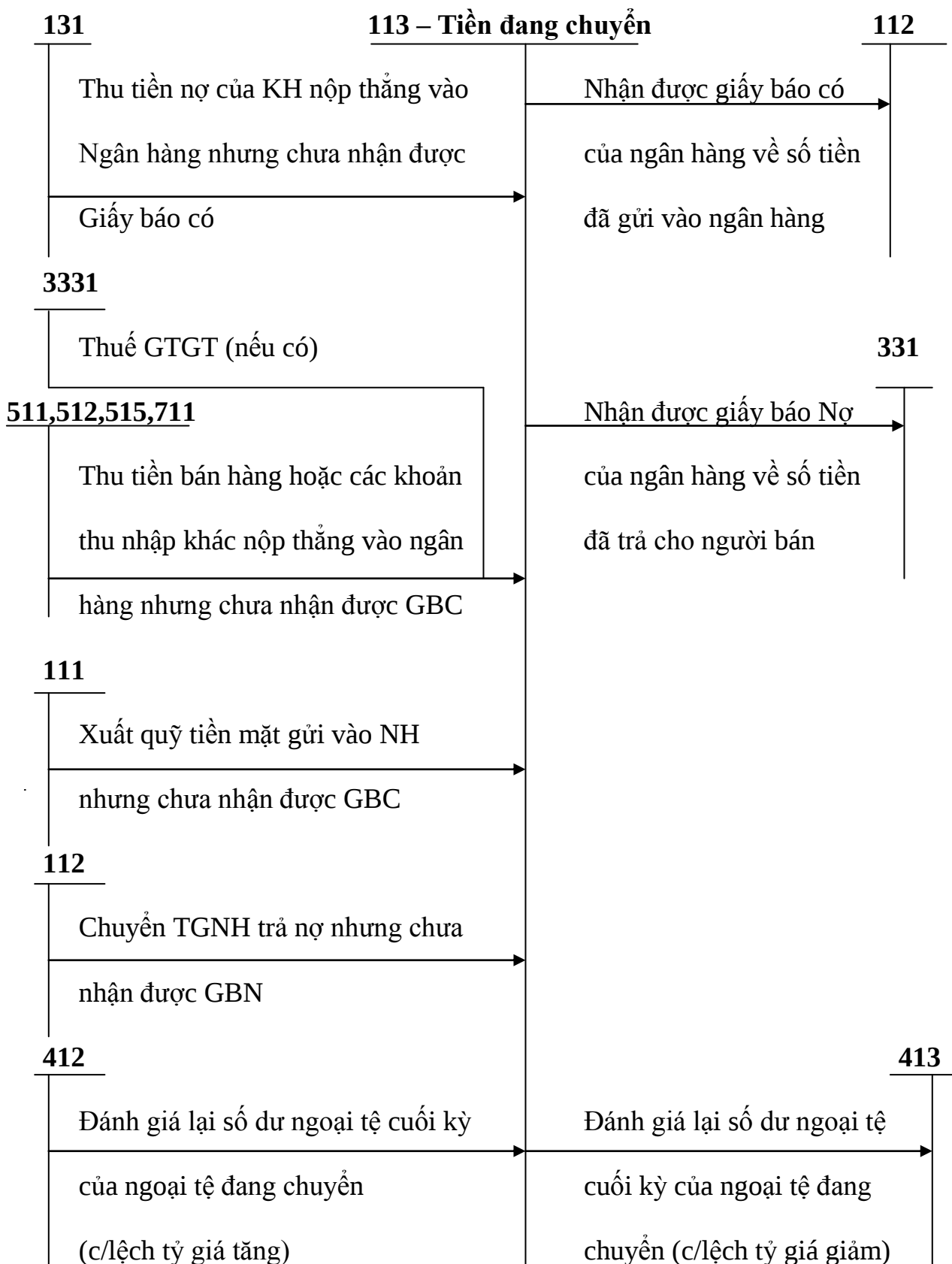
- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

1.2.3.4. Kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Sơ đồ 1.7: KẾ TOÁN TIỀN ĐANG CHUYỂN



1.3.Hình thức kế toán trong công tác kế toán vốn bằng tiền

1.3.1.Nhật ký chung

***Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

*** Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:**

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

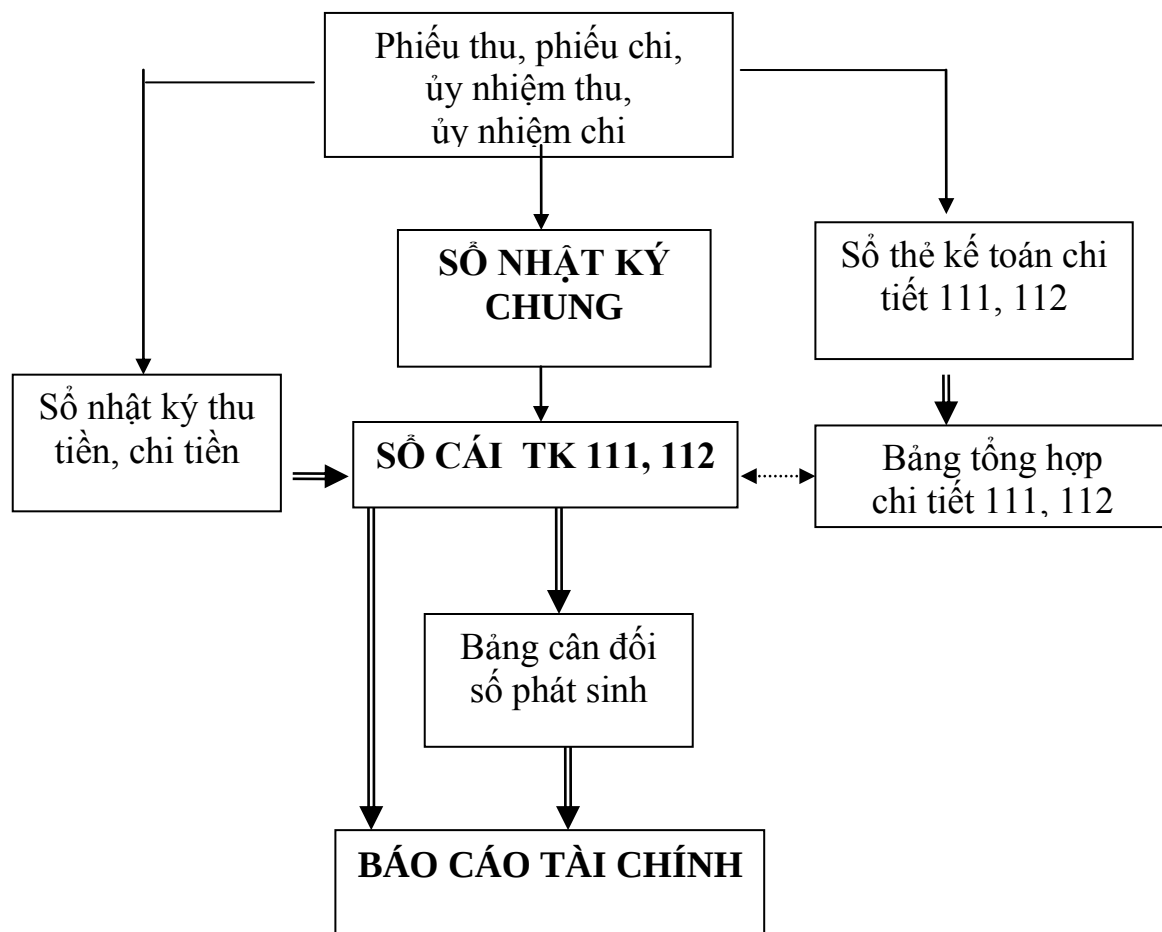
(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký

chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng: $\Rightarrow$

Quan hệ đối chiếu kế toán $\longleftrightarrow$

1.3.2. Nhật ký-Sổ cái

***Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:** Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

*** Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau:**

+ Nhật ký - Sổ Cái;

+ Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:**

(1) Hàng ngày

Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký – Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập,...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày.

Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi Sổ Nhật ký - Sổ Cái, được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan

(2) Cuối tháng

Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.

(3) Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong Sổ Nhật ký - Sổ Cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

Tổng số tiền của cột phát sinh ở Nhật ký= Tổng số phát sinh Nợ của tất cả các Tài khoản= Tổng số phát sinh Có của tất cả các Tài khoản.

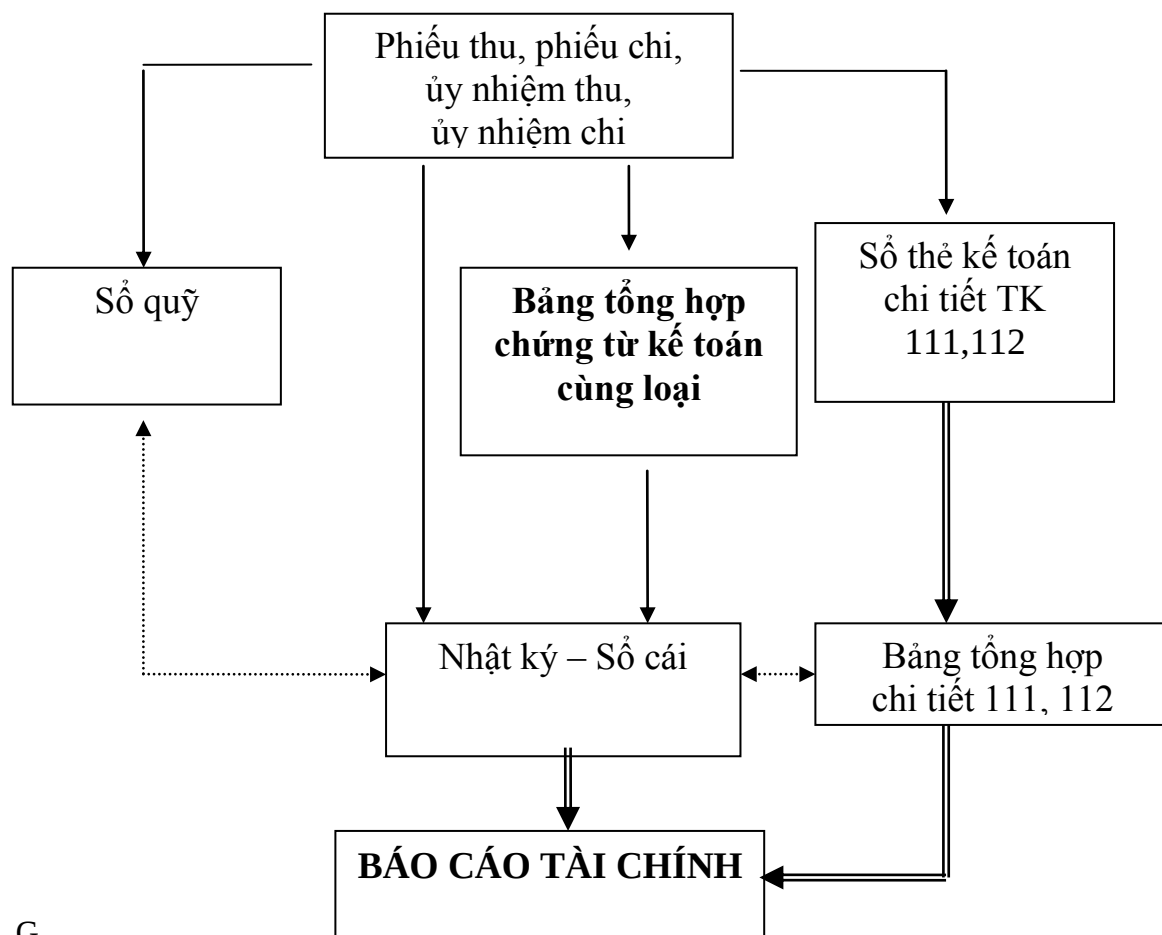
Tổng số dư Nợ các Tài khoản= Tổng số dư Có các Tài khoản

(4) Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ để cộng số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. Căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập “Bảng tổng hợp chi tiết” cho từng tài khoản. Số liệu trên “Bảng tổng hợp chi tiết” được đối chiếu với số phát sinh Nợ, số phát sinh Có và Số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Số liệu trên Nhật ký - Sổ Cái và trên “Bảng tổng hợp chi tiết” sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán nhật ký - sổ cái



G

G

Ghi hàng ngày :

Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng: ➡➡➡

Quan hệ đối chiếu kế toán: ↔

1.3.3. Chứng từ ghi sổ

*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

*** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:**

- + Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Cái;
- + Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**

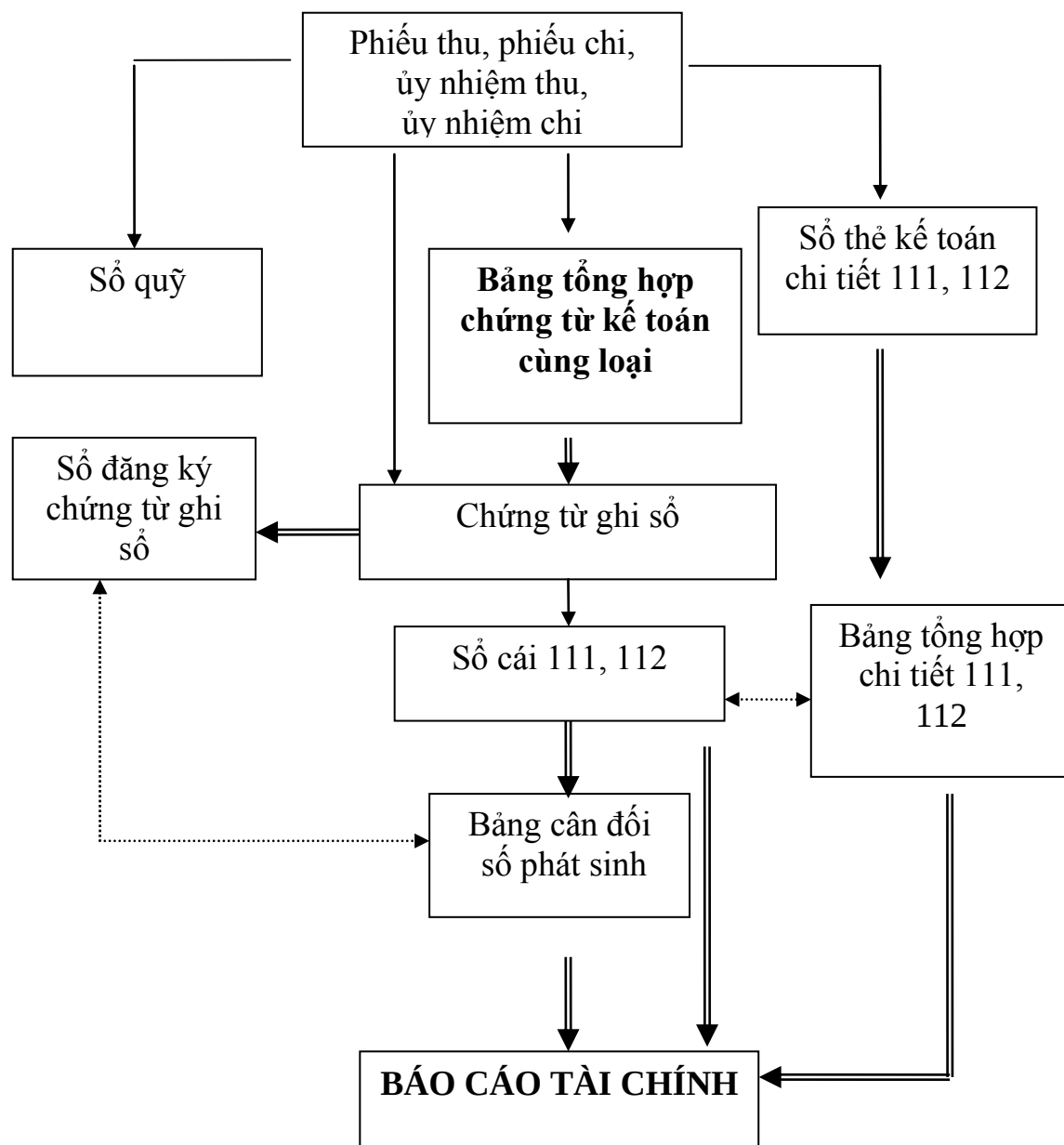
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

(2) Cuối tháng, phải khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh.

(3) Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng Tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ. Tổng số dư Nợ và Tổng số dư Có của các tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản trên Bảng Cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng: $\Rightarrow$

Quan hệ đối chiếu kế toán: $\longleftrightarrow$

1.3.4. Nhật ký-Chứng từ

*** Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ**

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

*** Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:**

- + Nhật ký chứng từ,
- + Bảng kê;
- + Sổ Cái;
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

*** Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**

(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký - Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân

bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký - Chứng từ có liên quan.

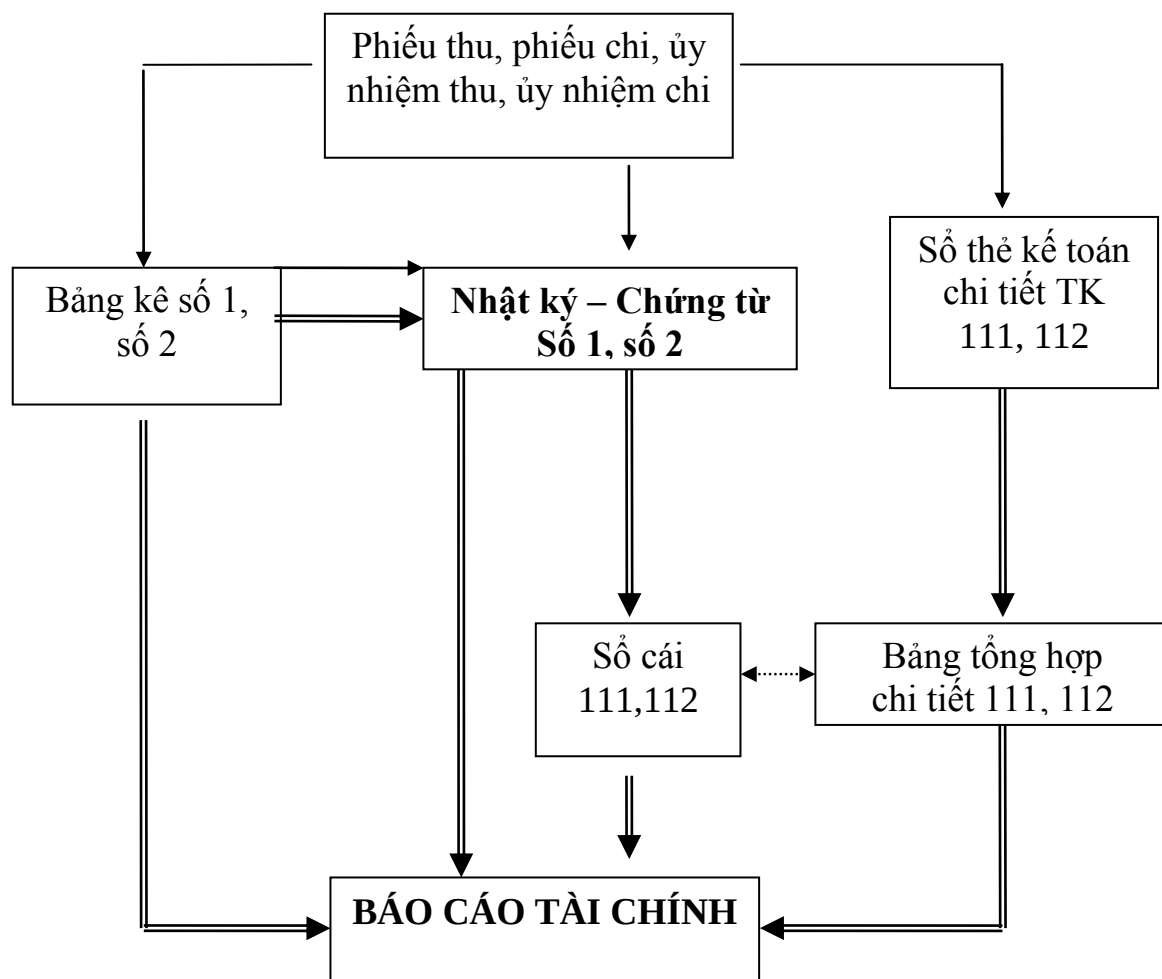
Đối với các Nhật ký - Chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký - Chứng từ.

(2) Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký - Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái.

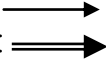
Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký - Chứng từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký - chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối năm: 

Quan hệ đối chiếu kế toán: 

1.3.5. Kế toán trên máy vi tính

* Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

* Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

* Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

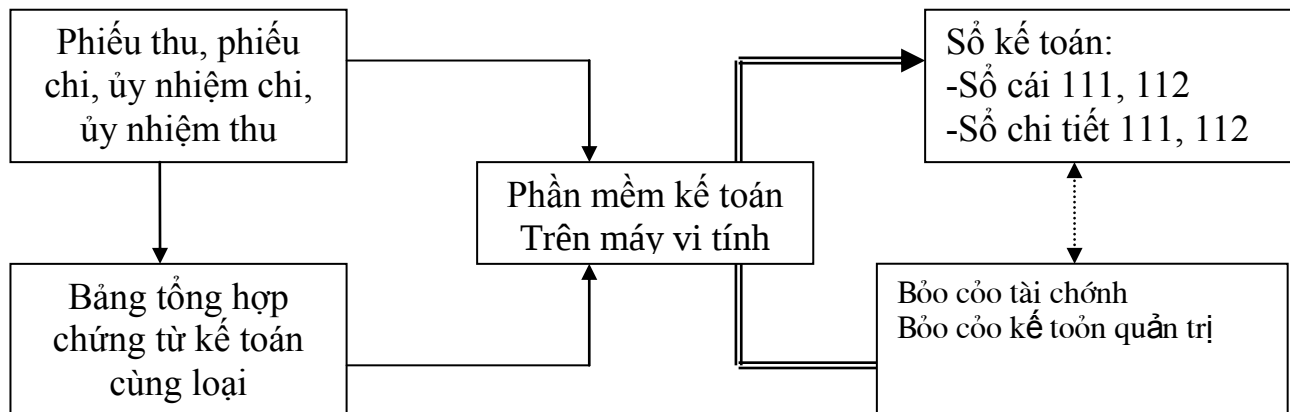
Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ Cái hoặc Nhật ký- Sổ Cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng: $\Rightarrow$

Quan hệ đối chiều kế toán: $\longleftrightarrow$

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC

2.1. Tổng quan về công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

- Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0201112306 cấp ngày 06 tháng 05 năm 2010 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng.
- Tên Công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 6D Phạm Ngũ Lão, phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 0316.262.268
- Fax: 0313 537 192
- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: kinh doanh thương mại tổng hợp
- Vốn điều lệ: 600.000.000đồng.
- Giám đốc : Ông Nguyễn Văn Ngọc
 - Sinh ngày: 19/06/1973 Quốc tịch: Việt Nam
 - CMND số: 030927781 – cấp ngày 15/06/2005 tại CA Hải Phòng
 - ĐKKH thường trú: số 4c32 Cự Bình – Trại Chuối – Hồng Bàng – Hải Phòng

2.1.2. Một số thuận lợi, khó khăn của công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

2.1.2.1. Thuận lợi

- Cơ sở vật chất hiện đại, công nghệ tiên tiến.
- Bộ máy quản lý rất gọn nhẹ, được phân chia rõ ràng phù hợp với cơ cấu sản xuất.
- Phương pháp quản lý khoa học, tạo điều kiện cho người lao động phát huy được năng lực

Kịp thời nắm bắt thị trường, không ngừng cải tiến để nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước lấy được lòng tin của khách hàng

2.1.2.2. Khó khăn

- Do mới thành lập nên công ty còn gặp nhiều khó khăn trong vấn đề về vốn.
- Công ty phải đối mặt với thị trường cạnh tranh khốc liệt.

2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty

2.1.3.1. Chức năng

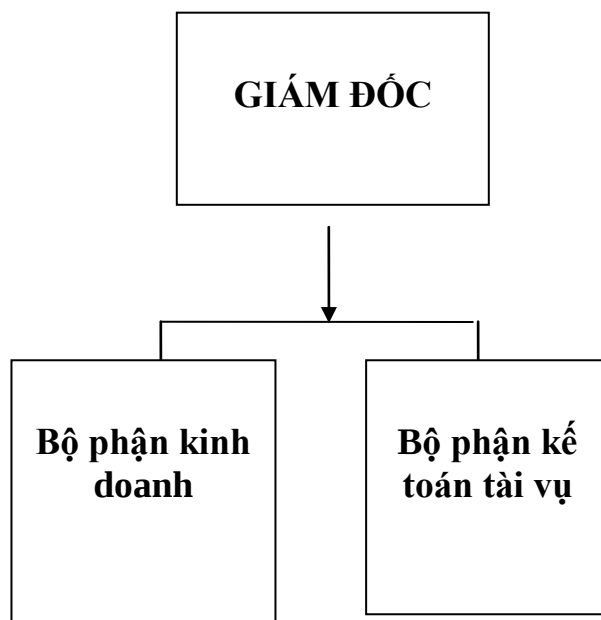
- Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, tài khoản riêng tại ngân hàng và hoạt động theo sự ủy quyền của Giám đốc Công ty.
- Tổ chức, sắp xếp, điều hành, quản lý mọi hoạt động của Công ty phù hợp với ngành nghề kinh doanh.
- Bảo toàn các nguồn vốn, tài sản Công ty giao.

2.1.3.2. Nhiệm vụ

- Tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ thương mại theo đúng ngành nghề ghi trên giấy phép đăng ký kinh doanh. Ngành nghề kinh doanh.
- Xây dựng kế hoạch, công việc cụ thể hàng tháng, quý, năm về mọi hoạch động tại Công ty.
- Tổ chức công tác hạch toán kế toán độc lập phụ thuộc theo đúng luật kế toán, chuẩn mực kế toán và theo điều lệ Công ty.
- Tham mưu, đề xuất các giải pháp với lãnh đạo Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh tại Xí nghiệp để đưa ra các quyết định về đầu tư mở rộng sản xuất đem hiệu quả kinh tế cao.
- Công tác quản lý công tác tài chính, chi phí và các khoản phải thu, phải trả phải được chặt chẽ, đúng luật.

2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

A- Sơ đồ bộ máy tổ chức:



Sơ đồ 2.1 Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Tổng số lao động: 6 người.

B- Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban, bộ phận.

a. Ban giám đốc.

- *Cơ cấu tổ chức.*

Ban Giám đốc gồm Giám đốc

- *Chức năng, nhiệm vụ.*

Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty trong trung hạn và dài hạn, chỉ đạo và triển khai thực hiện kế hoạch.

Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra và đưa ra biện pháp điều chỉnh để thực hiện tốt kế hoạch, theo dõi tình hình sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Có kiến thức sâu rộng về quản lý chung, có khả năng lãnh đạo, có nhiều kinh nghiệm về tổ chức quản lý và xử lý nghiệp vụ.

b. Bộ phận kế toán tài vụ.

- *Cơ cấu tổ chức.*

Tổng số người : 5 người.

Trưởng bộ phận: Phạm Hoài Anh

Trưởng bộ phận kế toán chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty về việc thực hiện mọi mặt công tác của phòng theo chức năng, nhiệm vụ, quản lý tài sản cơ sở vật chất được giao, đồng thời phân công, phân nhiệm các nhân viên trong bộ phận thực hiện có hiệu quả công tác trong bộ phận được Giám đốc Công ty giao.

- *Chức năng nhiệm vụ.*

Bộ phận kế toán tài vụ là đơn vị tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trên các mặt sau:

Công tác quản lý, sử dụng tài sản vật tư, tiền vốn có hiệu quả cao nhất.

Tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo đúng chế độ Nhà nước. Duy trì tổ chức hướng dẫn thực hiện nghiệp vụ kế toán trong Công ty.

c. Bộ phận kinh doanh

Tổng số người: 5 người.

- *Cơ cấu tổ chức*

Trưởng bộ phận: Phạm Sơn Tùng

Trưởng bộ phận phụ trách chung đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Công ty và là người chịu trách nhiệm chính trước Giám đốc Công ty trong quá trình chỉ đạo điều hành tổ chức và quản lý đối với cán bộ công nhân viên.

- *Chức năng, nhiệm vụ.*

Tham mưu giúp và chịu trách nhiệm với Giám đốc Công ty về các mặt Công tác như sau:

Khai thác và kinh doanh vật tư, lập kế hoạch.

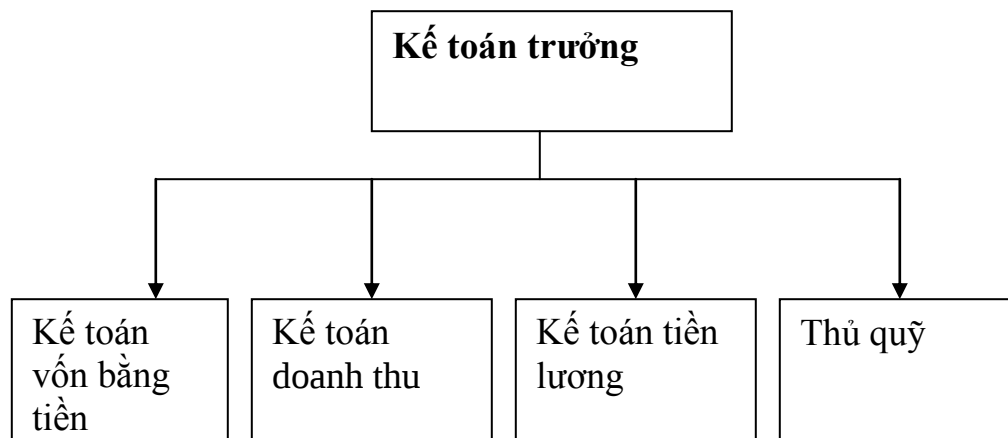
Tổ chức hoạt động dịch vụ giao nhận hàng hóa và khai thuế.

Tham mưu ký kết các hợp đồng kinh tế và dịch vụ đã ký

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán ở công ty gồm 5 nhân viên. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, có nghĩa là đơn vị chỉ mở một bộ sổ kế toán, tổ chức một bộ máy kế toán để thực hiện tất cả các giai đoạn hạch toán ở tất cả các phần hành kế toán. Với bộ máy kế toán gọn nhẹ nên việc phân công công việc cũng dễ dàng. Hàng ngày chứng từ về phòng kế toán, kế toán thanh toán phân loại, xử lý ghi vào sổ chi tiết, sổ nhật ký chung, chuyển qua kế toán trưởng, cuối tháng lập sổ cái, bảng cân đối kế toán. Quan hệ giữa các nhân viên trong bộ máy kế toán là quan hệ theo kiểu trực tuyến, tức là kế toán trưởng trực tiếp điều hành các nhân viên kế toán phần hành không thông qua trung gian nhận lệnh. Các nhân viên trong bộ máy kế toán có mối liên hệ chặt chẽ qua lại xuất phát từ sự phân công lao động phần hành trong bộ máy kế toán.



Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán của Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

- Chức năng nhiệm vụ
 - **Kế toán trưởng:** Phụ trách chung, chịu trách nhiệm trước giám đốc mọi hoạt động của phòng cũng như các hoạt động khác của công ty có liên quan tới tài chính và theo dõi các hoạt động tài chính của Công ty. Thực hiện chính sách, chế độ công tác tài chính kế toán.
 - **Kế toán vốn bằng tiền:** Lập kế hoạch luân chuyển vốn của Công ty, tổ chức kiểm tra đối chiếu với các bộ phận có liên quan. Kế toán căn cứ vào sổ phụ theo dõi

quá trình luân chuyển vốn tại ngân hàng, cuối tháng đối chiếu sổ quỹ tiền mặt với thủ quỹ.

- **Kế toán doanh thu:** theo dõi tình hình bán hàng hóa, thành phẩm đồng thời theo dõi công nợ phải thu của khách hàng

- **Kế toán tiền lương:** Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản khấu trừ vào lương. Theo dõi phân trích nộp và chi trả BHXH, KPCĐ, BHYT, BHTN, làm quyết toán và thanh toán các khoản chi theo quy định

- **Thủ quỹ:** Thủ quỹ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn tiền mặt, không để hư hỏng và mất mát xảy ra. Chịu trách nhiệm thu, chi tiền khi đã kiểm tra và thấy rõ chứng từ có đủ điều kiện để thu, chi. Vào sổ quỹ hằng ngày và lập bảng kiểm kê quỹ vào cuối tháng theo quy định.

2.1.5.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống chứng từ ban hành theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính

2.1.5.3. Tổ chức hệ thống tài khoản tại công ty

Công ty vận dụng hệ thống tài khoản theo QĐ số 48/2006 ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

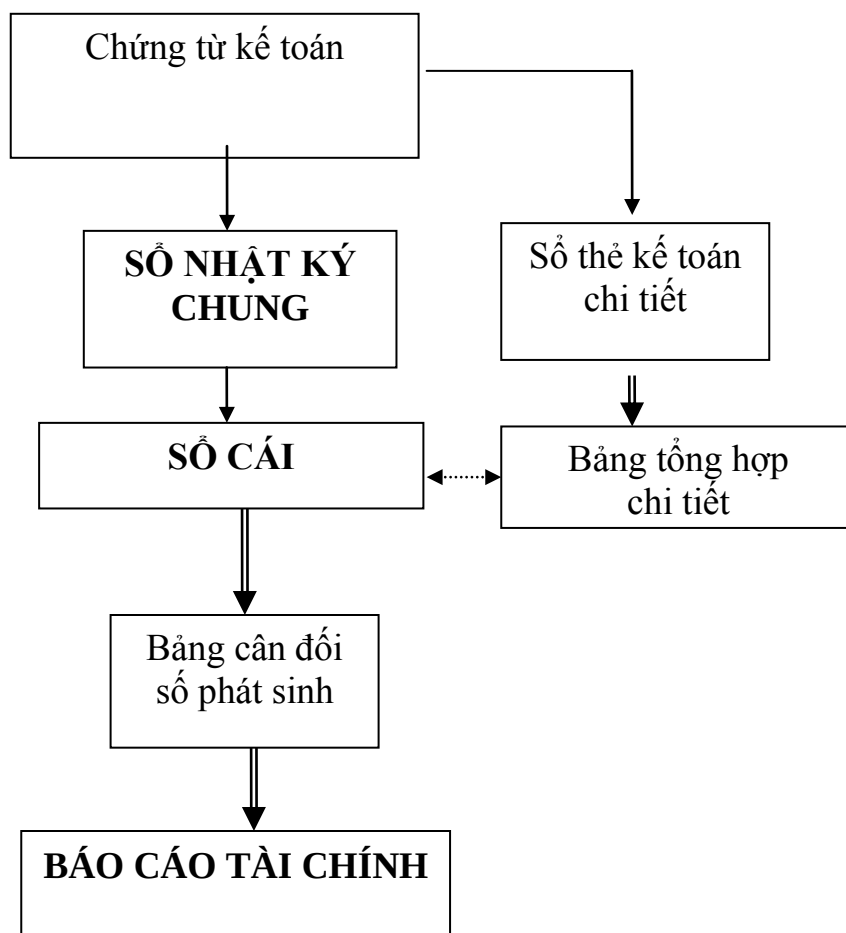
2.1.5.4. Hình thức kế toán được áp dụng tại công ty

- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

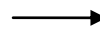
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán: đồng Việt Nam

- Để hệ thống hoá và tính toán các chỉ tiêu kinh tế theo yêu cầu quản lý, đồng thời có đội ngũ kế toán tương đối đồng đều về mặt chuyên môn. Vì vậy công ty đã chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung”, với hình thức này thì mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào chứng từ gốc, sau đó hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc kế toán phân loại và ghi vào sổ nhật ký chung. Cuối tháng lấy số liệu ở sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái các tài khoản. Kế toán sử dụng các loại sổ sách như sổ nhật ký chuyên dùng, sổ thẻ kế toán chi tiết, sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết, bảng cân đối tài khoản.

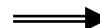
Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH MTV Huy Ngọc



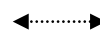
Ghi chú: Ghi hàng ngày :



Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng:



Quan hệ đối chiếu kế toán:



2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

2.2.1. Kế toán tiền mặt tại quỹ tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

2.2.1.1. Chứng từ, tài khoản

Chứng từ sử dụng :

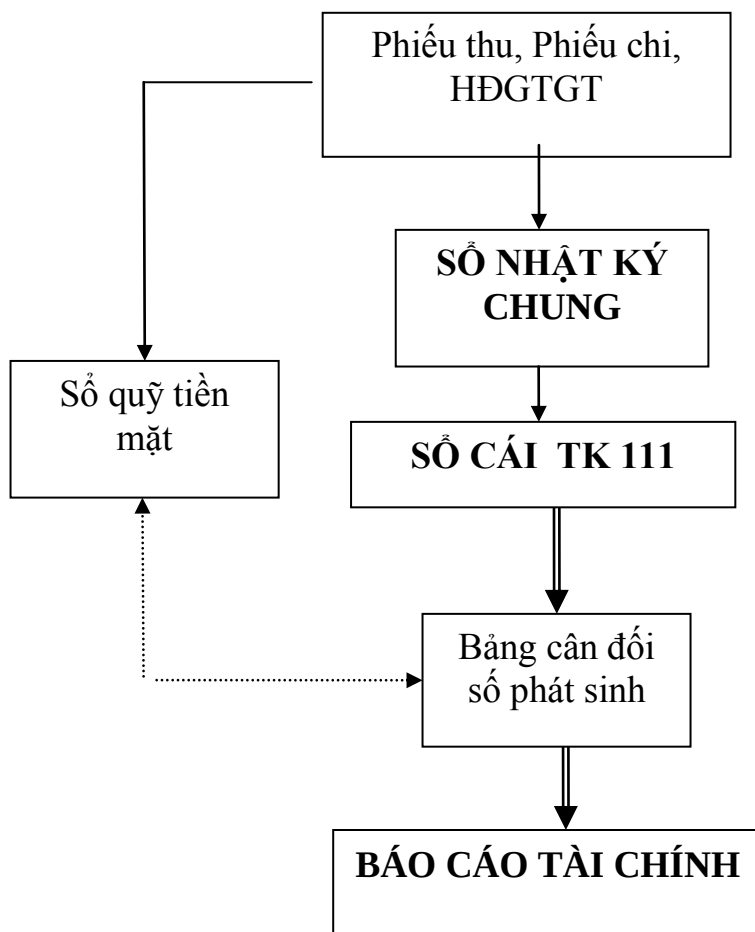
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT3/001)
- Giấy thanh toán tiền tạm ứng

Tài khoản sử dụng:

- TK 111 - tiền mặt

2.2.1.2. Trình tự ghi sổ kế toán tiền mặt tại quỹ của công ty

Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền mặt tại công ty TNHH MTV Huy Ngọc



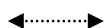
Ghi chú:

Ghi hàng ngày :



Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng: ==>

Quan hệ đối chiếu kế toán:



2.2.1.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền mặt tại quỹ của công ty

a) Kế toán thu tiền mặt VNĐ tại công ty:

Các nguồn thu chủ yếu của công ty bao gồm:

- Thu từ việc bán sản phẩm, hàng hoá
- Thu tạm ứng
- Thu lãi từ tiền gửi ngân hàng
- Các khoản thu nhập khác

Trong tháng 12 năm 2012, công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc có nhiều nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến khoản thu. Sau đây là một số nghiệp vụ chủ yếu:

Ví dụ 1: Ngày 10/12/2012 Thu hoàn tạm ứng của Phạm Sơn Tùng (nhân viên kinh doanh). Số tiền là 1.720.000 đồng

Nợ 111: 1.727.000

Có 141: 1.727.000

Biểu 2.2.1.3.1: Giấy thanh toán tiền tạm ứng**GIẤY THANH TOÁN TIỀN TẠM ỨNG***Ngày 10 tháng 12 năm 2012***Số :32**

Nợ TK 111:1.727.000

Có TK 141:1.727.000

Họ tên người thanh toán: Phạm Sơn Tùng

Bộ Phận: Phòng kinh doanh

Số tiền tạm ứng được thanh toán theo bảng dưới đây:

Diễn giải	Số tiền
I. Số tiền tạm ứng	11.000.000
1. Số tạm ứng kỳ trước chi không hết	
2. Số tạm ứng kỳ này	11.000.000
- Phiếu chi số: 212 ngày 8/12/2012	11.000.000
II. Số tiền đã chi:	9.273.000
1. Chứng từ HĐGTGT số 0015762 ngày 9/12/2012	9.273.000
III. Chênh lệch	
1. Số tạm ứng chi không hết (I-II)	1.727.000
2. Chi quá số tạm ứng (II-I)	

Giám đốc

Kế toán trưởng

Kế toán thanh toán

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.1.3.2: Hóa đơn GTGT 0015762

Hóa đơn GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: (Giao khách hàng) Ngày 09 tháng 12 năm 2012				Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/12P Số 0015762															
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN SAMNEC Địa chỉ: Số 4 Hồ Sen, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MST:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;">4</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">9</td><td style="width: 5%;">4</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td> </tr> </table>						0	2	0	0	1	3	4	0	9	4	3			
0	2	0	0	1	3	4	0	9	4	3									
Họ tên người mua hàng: Phạm Sơn Tùng Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc Địa chỉ : Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh Thiện – Ngô Quyền – HP Hình thức thanh toán: Tiền mặt. MST:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">6</td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td> </tr> </table>						0	2	0	1	1	1	2	3	0	6				
0	2	0	1	1	1	2	3	0	6										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2														
1	Điều hoà Panasonic 24.000BTU 1 chiều loại tiêu chuẩn KCPKH-8	Cái	1	8.430.000	8.430.000														
Cộng tiền hàng:					8.430.000														
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					843.000														
Tổng cộng tiền thanh toán:					9.273.000														
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu hai trăm bảy mươi ba nghìn đồng/																			
Người mua hàng (Ký, họ tên)		Người bán hàng (Ký, họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên)															

Biểu 2.2.1.3.3: Phiếu thu số 301

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh
Thiện

Mẫu số: 01-TT

*(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)*

PHIẾU THU

Ngày 10 tháng 12 năm 2012

Số: 301

Nợ 111: 1.720.000

Có 141: 1.720.000

Họ tên người nộp tiền : Phạm Sơn Tùng

Địa chỉ: Phòng kinh doanh của công ty

Lý do nộp : Thu hoàn tạm ứng

Số tiền: 1.720.000đ (viết bằng chữ) : Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 12/12/2012. Bán cho công ty CPTMDV Cung ứng vật tư Thành Phát 90 bao tải đại, đơn giá 145.000đ, VAT 10%, thu bằng tiền mặt.

Nợ 632: 12.150.000

Có 156: 12.150.000

Nợ 111: 14.355.000

Có 5111: 13.050.000

Có 3331: 1.305.000

Biểu 2.2.1.3.4: Hóa đơn GTGT 0000451

Hóa đơn GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: (Nội bộ) Ngày 12 tháng 12 năm 2012	Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/12P Số :0000451														
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh Thiện, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0316.262.268. MST:															
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">6</td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td> </tr> </table>		0	2	0	1	1	1	2	3	0	6				
0	2	0	1	1	1	2	3	0	6						
Họ tên người mua hàng: Trần Trọng Đại Tên đơn vị: Công ty cổ phần DVTM Cung ứng vật tư Thành Phát Địa chỉ : 18/224 Lê Thánh Tông – Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Tiền mặt. MST:															
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">6</td><td style="width: 5%;">8</td><td style="width: 5%;">4</td><td style="width: 5%;">5</td><td style="width: 5%;">5</td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td> </tr> </table>		0	2	0	1	2	6	8	4	5	5				
0	2	0	1	2	6	8	4	5	5						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2										
1	Bao tải đại	Cái	90	145.000	13.050.000										
Cộng tiền hàng:					13.050.000										
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT(10%):					1.305.000										
Tổng cộng tiền thanh toán:					14.355.000										
Số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn/															

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.1.3.5: Phiếu thu số 316**Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc****Mẫu số: 01-TT****Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh
Thiện***(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)***PHIẾU THU***Ngày 12 tháng 12 năm 2012***Số: 316****Nợ 111: 14.355.000****Có 5111: 13.050.000****Có 3331: 1.305.000****Họ tên người nộp tiền : Trần Trọng Đại****Địa chỉ: 18/224 Lê Thánh Tông – Máy Chai – Ngô Quyền – Hải Phòng****Lý do nộp : Thu tiền bán hàng của Công ty cổ phần DVTM Cung ứng vật tư Thành
Phát mua 90 bao tải đại (HĐ 0000451)****Số tiền: 14.355.000đ (viết bằng chữ) : Mười bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn
đồng chẵn.****Kèm theo: 01 chứng từ gốc*****Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn
đồng chẵn.*****Giám đốc****Kế toán trưởng****Thủ quỹ****Người nộp tiền****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)****(Ký, họ tên)**

b) *Kế toán chi tiền mặt VNĐ tại công ty:*

Các nguồn chi chủ yếu của công ty bao gồm:

- Chi tạm ứng
- Chi mua vật tư, tài sản, hàng hoá, công cụ dụng cụ, nhiên liệu
- Chi thanh toán lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên
- Chi trả nợ cho người bán và ngân hàng
- Chi các khoản nộp Ngân sách nhà nước
- Các khoản phải chi khác

Sau đây là một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến các khoản chi tháng 12 năm 2012 tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

Ví dụ 1: Ngày 14/12/2012, Công ty nộp tiền điện tháng 11, có HĐGTGT số 00433488, căn cứ vào hoá đơn kế toán viết phiếu chi. Số tiền: 2.325.500

Nợ TK 642: 2.205.000

Nợ TK 133: 220.500

Có TK 111: 2.425.500

Biểu 2.2.1.3.6: Hóa đơn GTGT tiền điện tháng 11

Tổng công ty điện lực miền Bắc**PC HAI PHONG****HÓA ĐƠN GTGT TIỀN ĐIỆN**

(Liên 2: Giao khách hàng)

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu:UB/12T

Số:00433488

Từ ngày 6/11 đến 6/12

CN Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Điện thoại 031.2210206

Tên khách hàng: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Địa chỉ: Số 6 Phạm Ngũ Lão-LKT-HP

Số công tơ:0004146

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hs nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	9324	9002	1	1.026		
				150	1.284	192.600
				60	1.457	87.420
				60	1.843	110.580
				130	1.997	259.610
				150	2.137	320.550
				105	1.350	141.750
				80	1.545	123.600
				80	1.947	155.760
				106	2.105	227.900
				105	2.249	236.145
			Cộng	1.026		2.205.000
			Thuế suất GTGT: 10%		Thuế GTGT	220.500
			Tổng cộng tiền thanh toán			2.425.500
Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng./						

Ngày 10 tháng 12 năm 21012

CN Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng (đóng dấu)

Biểu 2.2.1.3.7: Phiếu chi số 201

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh
Thiện

(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 12 năm 2012

Số: 201

Nợ 642:2.205.000

Nợ 133:220.500

Có 111: 2.425.500

Họ tên người chi tiền : Đào Thị Nguyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Nộp tiền điện tháng 11 năm 2012

Số tiền: 2.425.500(viết bằng chữ) : Hai triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu bốn trăm hai mươi năm nghìn năm trăm đồng.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người nộp tiền

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 20/12/2010. Chi tiền thăm nhân viên Nguyễn Thu Trang. Số tiền 1.000.000 đồng. Phiếu chi 216.

Nợ 338: 1.000.000

Có 111: 1.000.000

Biểu 2.2.1.3.8: Phiếu chi số 216

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh
Thiện

(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU CHI

Số: 216

Nợ 338: 1.000.000

Ngày 20 tháng 12 năm 2012

Có 111: 1.000.000

Họ tên người chi tiền : Đào Thị Nguyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi : Thăm nhân viên Nguyễn Thu Trang ốm.

Số tiền: 1.000.000đ(viết bằng chữ) : Một triệu đồng chẵn.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một triệu đồng chẵn.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người nộp tiền

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S07 - DN

Địa chỉ: 6D Phạm Ngũ Lão

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại quỹ: Tiền Việt Nam

NTGS	NTCT	SHCT		Diễn giải	Số tiền		
		Thu	Chi		Thu	Chi	Tồn
				<u>SDDK tháng 12</u>			<u>64.583.853</u>
							
10/12	10/12	301		Thu hoàn tạm ứng Phạm Sơn Tùng	1.720.000		91.458.742
							
11/12	11/12		194	Thanh toán tiền mua hàng còn nợ cty HP		5.412.000	91.624.899
							
12/12	12/12	316		Bán cho công ty CPTMDV Cung ứng vật tư Thành Phát	14.355.000		101.952.746
							
14/12	14/12		201	Trả tiền điện tháng 11		2.425.500	<u>105.875.241</u>
							
20/12	20/12		216	Thăm nhân viên		1.000.000	91.941.230
							
23/12	23/12		222	Tạm ứng tiền xăng dầu cho nhân viên xuống chi nhánh làm việc		600.000	100.014.745
							
25/12	25/12		237	Thanh toán tiền vận chuyển		430.000	100.234.120
							
26/12	26/12	345		Thu tiền bán giấy A4 cho Chị Huyền ở Lê Lợi	2.521.750		102.845.712
							
				Tổng FS T12	2.104.857.251	2.069.414.741	
				<u>SDCK tháng 12</u>			<u>100.026.363</u>

Biểu 2.2.1.3.9: Trích sổ quỹ tháng 12 năm 2012

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: 6D Phạm Ngũ Lão

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2012**

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TKĐ Ư	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			Phát sinh trong T12/2012					
								
10/12	PT301	10/12	Thu hoàn tạm ứng Phạm Sơn Tùng	✓		111	1.720.000	
				✓		141		1.720.000
								
12/12	PT316	12/12	Bán bao tải đại cho công ty CPDVTM cung	✓		111	14.355.000	
			ứng vật tư Thành Phát, thu bằng TM	✓		511		13.050.000
				✓		3331		1.305.000
								
14/12	PC201	14/12	Nộp tiền điện tháng 12	✓		642	2.205.000	
				✓		133	220.500	
				✓		111		2.425.500
								
20/12	PC216	20/12	Thăm nhân viên Nguyễn Thu Trang mổ	✓		338	1.000.000	
				✓		111		1.000.000
								
			Cộng số phát sinh cả năm				290.379.948.266	290.379.948.266

Biểu 2.2.1.3.10: Trích sổ nhật ký chung tháng 12

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: 6D Phạm Ngũ Lão

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền mặt. SHTK: 111

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>SDDK T12</u>		<u>64.583.853</u>	
						
10/12	PT301	10/12	Thu tạm ứng Phạm Sơn Tùng	141	1.720.000	
						
11/12	PC194	11/12	Thanh toán tiền mua hàng còn nợ cty HP	331		5.412.000
						
12/12	PT316	12/12	Bán bao tải đại cho công ty CPDVTM	511	13.050.000	
			cung ứng vật tư Thành Phát, thu bằng TM	3331	1.305.000	
						
14/12	PC201	14/12	Nộp tiền điện tháng 11	642		2.205.000
				133		220.500
						
20/12	PC216	20/12	Thăm nhân viên Nguyễn Thu Trang mổ	338		1.000.000
						
23/12	PC222	23/12	Tạm ứng tiền xăng dầu cho nhân viên xuống chi nhánh làm việc	141		600.000
						
25/12	PC237	25/12	Thanh toán tiền vận chuyển	331		430.000
						
			Cộng SFS trong tháng 12		2.104.857.251	2.069.414.741
			<u>SDCK T12</u>		<u>100.026.363</u>	

Biểu 2.2.1.3.11: Trích sổ cái tiền mặt tháng 12

2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

Hiện nay công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc đang thực hiện giao dịch với:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương – STK 0031000158830
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – STK 0200585282

2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản

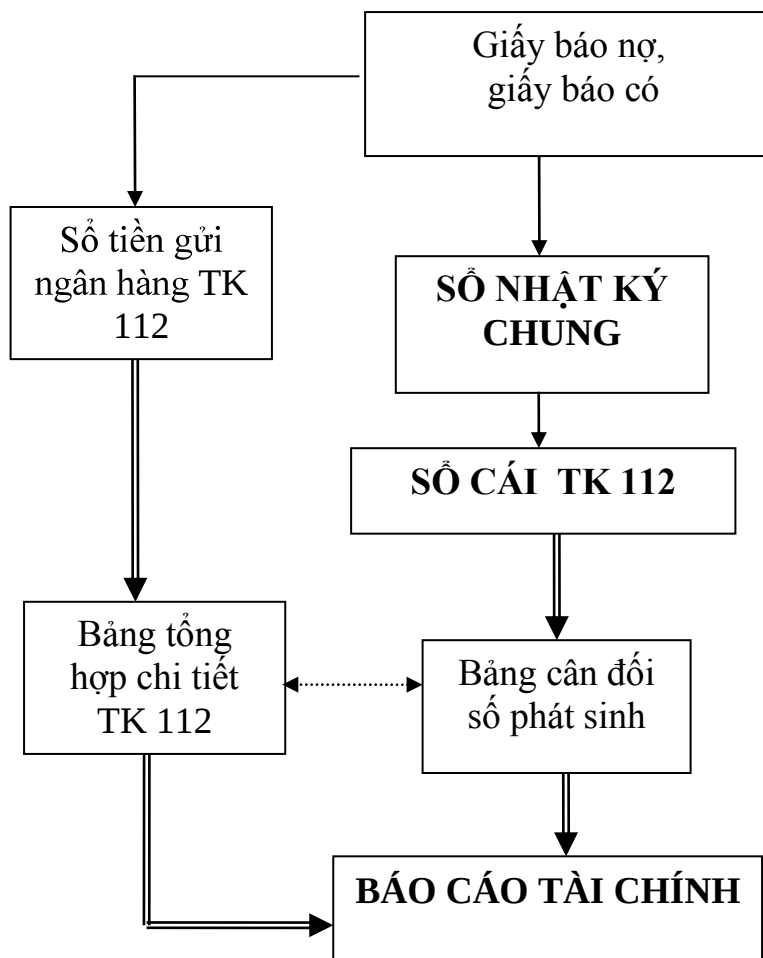
Chứng từ sử dụng:

- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ gốc liên quan

Tài khoản sử dụng: **-TK 112** “Tiền gửi ngân hàng” (chi tiết TK 1121 – Tiền gửi Việt Nam). Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có, tình hình biến động tất cả các loại tiền của đơn vị gửi tại ngân hàng. Công ty không phát sinh hoạt động về tiền gửi ngoại tệ, vàng bạc, kim khí, đá quý.

2.2.2.2.Trình tự ghi sổ kế toán tiền gửi ngân hàng tại công ty

Sơ đồ 2.5 .Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán tiền gửi ngân hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày :



Ghi ngày cuối kỳ, cuối tháng hoặc cuối tháng: ==>

Quan hệ đối chiếu



2.2.2.3. Một số nghiệp vụ liên quan đến tiền gửi ngân hàng tại công ty

Nghiệp vụ làm tăng tiền gửi ngân hàng:

Ví dụ 1: Ngày 02/12, Gửi vào tài khoản ngân hàng VCB, PC 178, số tiền 300.000.000đ

Nợ 112: 300.000.000

Có 111: 300.000.000

- Căn cứ vào bảng sao kê của ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ, kế toán đối chiếu và ghi vào các chứng từ sổ sách có liên quan.
- Căn cứ Giấy Báo Có của Ngân hàng kế toán ghi vào sổ nhật ký chung
- Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu để vào sổ cái TK 112
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ cái TK 112 vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối phát sinh vào các báo cáo tài chính.

Biểu 2.2.2.3.1: Giấy báo có số 08



Mã GDV: APP

Mã KH: 10912

GIẤY BÁO CÓ

Số GD: 298984

Ngày 08/12/2012

Số: 08

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 0031000158830

Số tiền bằng số: 300.000.000

Số tiền bằng chữ: Ba trăm triệu đồng chẵn/.

Nội dung: Nộp tiền vào TK.

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.2.2.3.2: Phiếu chi số 178

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số: 02-TT

Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh
Thiện

(Ban hành theo QĐ số
48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)

PHIẾU CHI

Số: 178

Ngày 08 tháng 12 năm 2012

Nợ 112: 300.000.000

Có 111: 300.000.000

Họ tên người rút tiền : Đào Thị Nguyên

Địa chỉ: Phòng kế toán

Lý do chi: Nộp tiền vào TK

Số tiền: 300.000.000đ(viết bằng chữ) :Ba trăm triệu đồng

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm triệu đồng chẵn/.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người nộp tiền

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

(Ký,họ tên)

Ví dụ 2: Ngày 15/12, bán cho công ty CPĐT và sản xuất Nhật Minh 300 sổ da, đơn giá 308.000đ/quyển và 200 kẹp Fide đơn giá 185.000, VAT 10%, thu bằng chuyển khoản tại Ngân hàng TMCP Á Châu

Nợ 632: 119.200.000

Nợ 156: 119.200.000

Nợ 112: 142.340.000

Có 511: 129.400.000

Có 3331: 12.940.000

Biểu 2.2.2.3.3: Hóa đơn GTGT số 0000460

Hóa đơn GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 3: (Nội bộ) Ngày 15 tháng 12 năm 2012			Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu: AA/12P Số :0000462																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão, Phường Lương Khánh Thiện, Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: 0316.262.268. MST:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">6</td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td> </tr> </table>						0	2	0	1	1	1	2	3	0	6				
0	2	0	1	1	1	2	3	0	6										
Họ tên người mua hàng: Trần Trọng Đại Tên đơn vị: Công ty cổ phần ĐT và sản xuất Nhật Minh Địa chỉ : Số 26 Ngõ 105 Nguyễn Trãi, Tổ 45C Thương Đình, Thanh Xuân, HN Số tài khoản: Hình thức thanh toán: CK. MST:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">4</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">8</td><td style="width: 5%;">9</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">5</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td><td style="width: 5%;"></td> </tr> </table>						0	1	0	4	1	8	9	0	5	3				
0	1	0	4	1	8	9	0	5	3										
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3 = 1 * 2														
1	Sổ da	Quyển	300	308.000	92.400.000														
2	Kẹp Fide	Chiếc	200	185.000	37.000.000														
Cộng tiền hàng:					129.400.000														
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					12.940.000														
Tổng cộng tiền thanh toán:					142.340.000														
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn/.																			

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.2.3.4: Giấy báo Có 16

Ngân hàng TMCP Á Châu

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 15/12/2012

Mã KH: 10366

Số: 16

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

Hôm nay chúng tôi xin báo có đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung sau:

Số TK ghi Có: 0200585282

Số tiền bằng số: 142.340.000.

Số tiền bằng chữ: Một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn

Nội dung: Công ty CPĐT và sản xuất Nhật Minh thanh toán tiền mua hàng

HĐ0000462 ngày 15/12/2012

Giao dịch viên

Kiểm soát

Nghiệp vụ làm giảm tiền gửi ngân hàng:

Ngày 22/12/2012, Mua 2 Laptop Dell Xs13 doanh nghiệp thanh toán ngay chuyển khoản, với giá mua chưa có thuế là 32.280.000đ, VAT 10%

Nợ TK 211 : 32.280.000

Nợ TK 133: 3.228.000

Có TK 112: 35.508.000

- Căn cứ Hóa đơn GTGT số 0068730 kê toán thanh toán gửi Ủy nhiệm chi đến Ngân hàng.
- Ngân hàng nhận được Ủy nhiệm chi tiến hành thanh toán đồng thời gửi Giấy Báo Nợ cho doanh nghiệp.
- Căn cứ Giấy Báo Nợ kê toán vào sổ nhật ký chung
- Cuối tháng kê toán tổng hợp số liệu để vào sổ cái TK 112
- Cuối quý tổng hợp số liệu từ sổ cái TK 112 vào bảng cân đối số phát sinh và từ bảng cân đối số phát sinh vào các báo cáo tài chính.

Biểu 2.2.2.3.5: Hóa đơn GTGT số 0068730

Hóa đơn GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: (Giao cho khách hàng) Ngày 22 tháng 12 năm 2012			Mẫu số 01 GTKT3/001 Ký hiệu: KS/12P Số :0068730																
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CP VT&TM CPN VIỆT NAM Địa chỉ: Số 7 Lô 2A, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP Số tài khoản: 0031000144951 Điện thoại: MST:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">5</td><td style="width: 5%;">6</td><td style="width: 5%;">4</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">—</td><td style="width: 5%;">—</td><td style="width: 5%;">—</td><td style="width: 5%;">—</td> </tr> </table>						0	2	0	0	5	6	4	3	2	2	—	—	—	—
0	2	0	0	5	6	4	3	2	2	—	—	—	—						
Họ tên người mua hàng: Phạm Sơn Tùng Tên đơn vị: Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc Địa chỉ : Số 6D Phạm Ngũ Lão – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản: 0031000158830 (VCB) Hình thức thanh toán: CK. MST:																			
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">1</td><td style="width: 5%;">2</td><td style="width: 5%;">3</td><td style="width: 5%;">0</td><td style="width: 5%;">6</td><td style="width: 5%;">—</td><td style="width: 5%;">—</td><td style="width: 5%;">—</td><td style="width: 5%;">—</td> </tr> </table>						0	2	0	1	1	1	2	3	0	6	—	—	—	—
0	2	0	1	1	1	2	3	0	6	—	—	—	—						
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ					Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
A	B					C	1	2	3 = 1 * 2										
1	Laptop Dell Xs13					máy	2	16.140.000	32.280.000										
	/																		
Cộng tiền hàng:								32.280.000											
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:								3.228.000											
Tổng cộng tiền thanh toán:								35.508.000											
Số tiền viết bằng chữ: Ba mươi năm triệu năm trăm linh tám nghìn đồng/.																			

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)



CHỨNG TỪ GIAO DỊCH
ỦY NHIỆM CHI – PAYMENT ORDER

KH:VC/XXT

Số: 12

Ngày (Date): 22/12/2012

Số HĐ – Invoice No

ĐỀ NGHỊ GHI NỢ TÀI KHOẢN(Please Debit account)	Số tiền(With amount)	Phí NH(Bank charges)
Số TK: 0031000158830	Bằng số: 35.508.000	Phí trong
Tên TK: Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc	Bằng chữ: Ba mươi năm triệu năm	Phí ngoài
Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão – Ngô Quyền – Hải Phòng	trăm linh tám nghìn đồng.	
Tại NH: VCB chi nhánh HP	Nội dung: Thanh toán tiền mua hàng	
&GHI CÓ TÀI KHOẢN(& Credit account)	2 Laptop Dell Xs13(HĐ 0068730)	
Số TK: 0031000144951		
Tên TK: CÔNG TY CP VT&TM CPN VIỆT NAM	Kế toán trưởng ký	Chủ tài khoản ký và đóng dấu
Địa chỉ: Số 7 Lô 2A, Lê Hồng Phong, Ngô Quyền, HP		
Tại NH: VCB chi nhánh HP		
DÀNH CHO NGÂN HÀNG(For Bank's Use Only) MÃ VAT:		

Thanh toán viên

Kiểm soát

Giám đốc

Biểu 2.2.2.3.6: Ủy nhiệm chi số 12



Mã GDV: APP

Mã KH: 10912

GIẤY BÁO NỢ

Số GD: 254104

Ngày 22/12/2012

Số: 06

Kính gửi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC

Hôm nay chúng tôi xin thông báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số TK ghi Nợ: 0031000158830

Số tiền bằng số: 35.508.000

Số tiền bằng chữ: Ba mươi năm triệu năm trăm linh tám nghìn đồng./

Nội dung: Thanh toán tiền mua hàng 2 Laptop Dell Xs13(HĐ 0068730)

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu 2.2.2.3.7: Giấy báo Nợ 06

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S03a - DN

Địa chỉ: 6D Phạm Ngũ Lão

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG**Năm 2012**

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
			Phát sinh trong T12/2012					
								
2/12	BC08	2/12	Nộp tiền vào TK VCB	✓		112	300.000.000	
				✓		111		300.000.000
								
15/12	BC16	15/12	Bán hàng cho cty CPĐT và Sx Nhật	✓		112	142.340.000	
			Mình, thu bằng CK	✓		511		129.400.000
				✓		3331		12.940.000
								
20/12	PC296	20/12	Thăm nhân viên Nguyễn Thu Trang bị ốm	✓		338	1.000.000	
				✓		111		1.000.000
								
22/12	BN06	22/12	Mua 2 Laptop Dell Xs13	✓		211	32.280.000	
				✓		133	3.228.000	
				✓		112		35.508.000
								
			Cộng số phát sinh cả năm				290.379.948.266	290.379.948.266

Biểu 2.2.2.3.8: Trích sổ nhật ký chung năm 2012

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: 6D Phạm Ngũ Lão

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

Lương Khánh Thiện-Ngô Quyền-HP

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Tiền gửi ngân hàng. SHTK: 112

NTGS	SH CT	NT CT	Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
					Nợ	Có
						
			<u>SDDK T12</u>		<u>414.101.760</u>	
						
2/12	BC08	2/12	Nộp tiền vào TK VCB	111	300.000.000	
						
15/12	BC16	15/12	Bán hàng cho Công ty CPĐT và SX	511	129.400.000	
			Nhật Minh, thu tiền từ TK Á Châu	3331	12.940.000	
						
22/12	BN06	22/12	Mua 2 Laptop Dell Xs13 từ TK VCB	211		32.280.000
				133		3.228.000
						
26/12	BN15	26/12	Rút tiền gửi TK Ngân hàng Á Châu về nhập quỹ	111		240.784.000
						
27/12	BC30	27/12	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào NH Á Châu	111	800.670.000	
						
			<u>SFS T12</u>		<u>3.049.659.237</u>	<u>3.012.837.360</u>
			<u>SDCK T12</u>		<u>450.923.637</u>	

Biểu 2.2.2.3.9: Trích sổ cái tiền gửi ngân hàng tháng 12

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S06 - DNN

Địa chỉ : Số 6D Phạm Ngũ Lão – NQ - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 0031000158830

NTG S	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Thu(gửi vào)	Chi(rút ra)	Còn
							
			<u>Tồn ĐK T12</u>				<u>257.050.880</u>
							
2/12	BC08	2/12	Nộp tiền mặt vào TK	111	300.000.000		274.650.400
							
21/12	BC19	21/12	Thu tiền bán hàng HĐ0000441 cty TNHH Lê Chân	511 3331	6.780.000 678.000		584.756.230 585.434.230
							
22/12	BN 06	22/12	Mua 2 Laptop Dell Xs 13	211		32.280.000	623.421.470
				133		3.228.000	620.193.470
							
23/12	BN22	23/12	Rút tiền gửi	111		12.000.000	608.421.470
							
25/12	BN26	25/12	Rút tiền gửi	111		24.000.000	674.420.000
							
			SFS T12		1.824.829.619	1.780.023.087	
			<u>Dư CK T12</u>				<u>301.857.412</u>

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.2.3.10: Trích sổ tiền gửi ngân hàng Vietcombank HP tháng 12

Đơn vị : Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Mẫu số S06 - DNN

Địa chỉ : Số 6D Phạm Ngũ Lão – NQ - HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC)

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Nơi mở tài khoản giao dịch: Ngân hàng TMCP Á Châu

Số hiệu tài khoản tại nơi gửi: 0200585282

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐ U'	Số tiền		
	SH	NT			Thu(gửi vào)	Chi(rút ra)	Còn
			<u>Tồn ĐK T12</u>				<u>157.050.880</u>
							
3/12	BC04	3/12	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng	111	50.000.000		524.560.100
							
5/12	BN08	5/12	Thanh toán tiền mua hàng HĐ 00780692 ngày 4/12	156		280.000.000	474.890.478
				133		28.000.000	446.890.478
							
15/12	BC16	15/12	Bán hàng cho cty	511	129.400.000		665.920.000
			CPĐT và SX Nhật Minh	3331	12.940.000		652.980.000
							
26/12	BN28	26/12	Rút tiền TK về nhập quỹ	111		240.784.000	108.450.230
							
27/12	BC31	27/12	Xuất quỹ tiền mặt gửi vào NH	111	800.670.000		856.648.005
							
			SFS T12		1.224.829.618	1.232.814.273	
			<u>Tồn CK T12</u>				<u>149.066.225</u>

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.2.2.3.11: Trích sổ tiền gửi ngân hàng TMCP Á Châu tháng 12

Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc

Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão – NQ – HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tài khoản : 112

Tháng 12 năm 2012

STT	Tên Ngân hàng	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	PS tăng	PS giảm	Tồn cuối kỳ
A	B	C	D	E	F
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank Chi nhánh HP	257.050.880	1.824.829.619	1.780.023.087	301.857.412
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu Chi nhánh Hải Phòng	157.050.880	1.224.829.618	1.232.814.273	149.066.225
Cộng		414.101.760	3.049.659.237	3.012.837.360	450.923.637

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu 2.2.2.3.12: Trích bảng tổng hợp chi tiết tiền gửi ngân hàng tháng 12

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN TẠI CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUY NGỌC

Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc từ khi thành lập đến nay, trong quá trình đó công ty luôn phải đương đầu với hàng loạt những khó khăn và thử thách. Đặc biệt là sự cạnh tranh các công ty khác. Nhưng công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc với sự vươn lên của bản thân cùng sự quan tâm giúp đỡ của các bạn bè đồng nghiệp và sự làm việc nhiệt tình của các anh chị em nhân viên thì công ty đã từng bước vượt qua khó khăn để khẳng định mình trong thị trường kinh doanh.

Là một công ty hạch toán kinh tế độc lập với quy mô kinh doanh vừa và nhỏ, Công ty đã tìm cho mình một bộ máy quản lý, một phương thức kinh doanh sao cho hiệu quả nhất. Song bên cạnh yếu tố đó thì tinh thần đoàn kết cũng đóng vai trò quan trọng trên bước đường tự khẳng định mình. Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ công nhân viên trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên. Công tác quản lý và hoàn thiện thực sự trở thành công cụ đắc lực phục vụ cho quá trình kinh doanh của công ty.

Hiện nay Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc đang sử dụng hệ thống tài khoản kế toán thống nhất, đồng thời áp dụng hình thức tổ chức sổ kế toán “ Nhật ký chung ”. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, mỗi kế toán viên đều được phân công việc rõ ràng. Trình độ nhân viên không ngừng được nâng cao, thường xuyên được đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ và chuyên môn, biết vận dụng khéo léo giữa lý thuyết và thực tế tại Công ty. Biết áp dụng phương pháp hạch toán phù hợp với thực tế phát sinh đồng thời có thể giảm được khối lượng công việc ghi chép thừa để đạt được hiệu quả cao. Mỗi nhân viên đều sử dụng được máy tính nên công việc kế toán đều được thực hiện một cách nhanh chóng, số liệu luôn chính xác, kịp thời.

3.1.Đánh giá công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

Trong công tác hạch toán kế toán tại công ty thì hạch toán vốn bằng tiền là một khâu vô cùng quan trọng và cần thiết hay có thể nói theo cách khác là không thể thiếu ở mỗi công ty dù là công ty nhà nước hay tư nhân. Nhờ nhận thức rõ điều này công ty đã có những biện pháp tốt trong việc tổ chức hạch toán cũng như quản lý và sử dụng vốn bằng tiền.

Việc giữ gìn và bảo quản tiền mặt trong két được đảm bảo tính an toàn cao. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được cập nhập hàng ngày nên thông tin kế toán mang tính liên tục và chính xác. Công tác kế toán tổng hợp được đơn giản hóa tới mức tối đa, cho phép ghi chép kịp thời một cách tổng hợp những hiện tượng kinh tế có liên quan đến tình trạng biến động vốn bằng tiền.

Hệ thống tài khoản áp dụng để theo dõi sự biến động của vốn bằng tiền hoàn toàn tuân thủ theo quy định và được chi tiết tối đa hóa cho từng loại tiền. Sự chi tiết đó giúp ban lãnh đạo nắm bắt được những số liệu cụ thể và chi tiết vốn bằng tiền, từ đó có thể ra quyết định chính xác và hợp lý.

3.1.1. Ưu điểm

Qua nghiên cứu nội dung vốn bằng tiền, nhận thấy các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tiền mặt công ty đã vận dụng đầy đủ kịp thời các thủ tục mà Nhà nước quy định như chứng từ gốc, sử dụng các loại phiếu thu, phiếu chi...một cách có hệ thống.

Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc đã có được bộ máy kế toán lành nghề, nhiều kinh nghiệm. Công ty có rất nhiều nghiệp vụ kế toán phát sinh hàng ngày trong những phạm vi khác nhau, nhưng nhờ bộ máy kế toán có năng lực và tinh thần trách nhiệm cao nên tất cả các nghiệp vụ kế toán phát sinh đều được ghi chép và phản ánh đầy đủ trên hệ thống kế toán của Công ty.

Đặc biệt là kế toán vốn bằng tiền được hạch toán và ghi chép đầy đủ, thông qua việc hạch toán và ghi chép của kế toán tiền mặt ta có thể thấy các nhiệm vụ liên quan đến tiền mặt diễn ra hàng ngày ra sao, việc thu chi tiền mặt thế nào.

Hạch toán ở công ty tương đối ổn định, đảm bảo quản lý chặt chẽ tiền, hàng và tài sản. Từ chế độ kế toán của Nhà nước, ngành và ban ngành, kế toán đã vận dụng linh hoạt, có hiệu quả phục vụ tốt quá trình kinh doanh hợp lý với đầy đủ cán bộ quản lý có trình độ nghiệp vụ cao.

Trong quá trình kinh doanh, để tạo điều kiện tốt, giám đốc và phòng kế toán đã kết hợp chặt chẽ, đồng bộ với các phòng ban khác để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Sổ sách bảo biểu kế toán lập đúng thời gian quy định, tạo điều kiện cho các công tác kế toán được tiến hành thuận lợi. Một số sổ sách thực tế đơn giản hơn so với lý luận đã học, nhưng không ảnh hưởng đến nguyên tắc hạch toán chung của Công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm, công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc vẫn còn tồn tại một số nhược điểm sau:

- Tiền mặt của Công ty như hiện nay vẫn còn rất ít không đảm bảo cho Công ty hoạt động ổn định khi có biến động từ thị trường.

- Trong hạch toán công ty đã không sử dụng TK 113 – Tiền đang chuyển. Vì vậy khi kết thúc kì kế toán, công ty đã trả tiền cho khách hàng hoặc khách hàng đã trả tiền cho công ty thì vẫn không phản ánh được. Nhưng thực chất đã có nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm thay đổi cơ cấu tài sản, nguồn vốn của công ty. Từ đó khi lên bảng cân đối kế toán thiếu chính xác tại thời điểm đó và nó làm ảnh hưởng tới những nhận xét, đánh giá của ban lãnh đạo về tình hình tài sản, nguồn vốn của công ty.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là một báo cáo tài chính phản ánh các khoản thu và chi tiền trong kỳ của công ty theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Thông qua nó công ty có thể dự đoán được lượng tiền mang lại từ hoạt động trong tương lai. Nhà quản lý cũng có thể thấy được khả năng thanh toán trong kỳ hoạt động tới. Vì sự quan trọng đó mà hầu hết các công ty đều lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng cho tới thời điểm này Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc vẫn chưa sử dụng vai trò của báo cáo này.

3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc

Trong giới hạn về phạm vi nghiên cứu với kiến thức được trang bị ở trường và quá trình khảo sát thực tế tại Công ty TNHH một thành viên Huy Ngọc, em xin đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán vốn bằng tiền tại Công ty:

Ý kiến 1: Công ty nên đưa TK 113 - Tiền đang chuyển vào hạch toán

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước, đã gửi bưu điện để chuyển cho Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có, trả cho đơn vị khác hay đã làm thủ tục chuyển tiền từ tài khoản tại Ngân hàng để trả cho đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của Ngân hàng.

Kết cấu của tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận giấy báo Có;
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do danh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Bên Có:

- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 - Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan;
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

Số dư bên Nợ:

Các khoản tiền còn đang chuyển cuối kỳ.

Ví dụ về việc công ty không sử dụng tài khoản 113 vào hạch toán: Ngày 3/12/2012, công ty xuất tiền mặt gửi vào ngân hàng là 120.000.000 nhưng chưa nhận được giấy báo có của ngân hàng. Đến ngày 5/12/2012, công ty thông báo nhận được giấy báo có. Lúc đó kế toán mới căn cứ vào giấy báo có để ghi sổ:

Nợ TK 112: 120.000.000

Có TK 111: 120.000.000

Nhưng nếu công ty mở TK 113 thì tại ngày 3/12/2012 kế toán định khoản nghiệp vụ này như sau:

Nợ TK 113: 120.000.000

Có TK 111: 120.000.000

Đến ngày 5/12/2012 khi nhận được giấy báo có kế toán ghi:

Nợ TK 112: 120.000.000

Có TK 113: 120.000.000

Ý kiến 2: Về việc hoàn thiện sổ sách chứng từ kế toán: Công ty nên lập bảng kê chi tiền vì ở công ty có nhiều nghiệp vụ phát sinh liên quan tới việc chi tiền mặt hoặc do nhu cầu kiểm soát tiền mặt chặt chẽ hơn. Vì vậy theo em công ty nên mở thêm các sổ Nhật ký đặc biệt cụ thể là sổ Nhật ký thu tiền và Nhật ký chi tiền (mở riêng thu, chi tiền mặt và thu, chi tiền gửi cho từng loại tiền hoặc cho từng Ngân hàng) để việc quản lý tiền được chính xác hơn, thuận tiện trong việc kiểm tra lượng tiền thu, chi trong kỳ hay muốn kiểm tra theo dõi vào một thời điểm bất kỳ.

Mẫu số 09-TT

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Họ và tên người chi.....

Bộ phận (hoặc địa chỉ):.....

Chi cho công việc:

Số tiền	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	E
			Cộng	

Số tiền bằng chữ:.....

(Kèm theo.....chứng từ gốc).

Người lập bảng kê

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu 3.2.2: Trích bảng kê chi tiền tháng 12**Đơn vị: Công ty TNHH MTV Huy Ngọc****Mẫu số 09-TT****Bộ phận: Số 6D Phạm Ngũ Lão – p.LKT***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***BẢNG KÊ CHI TIỀN THÁNG 12/2012**

Họ và tên người chi: Đào Thị Nguyên

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng kế toán

Chi cho công việc:

STT	Chứng từ		Nội dung chi	Số tiền
	Số hiệu	Ngày tháng		
A	B	C	D	E
				
34	PC274	11/12	Thanh toán tiền mua hàng còn nợ Cty HP	5.412.000
				
45	PC296	20/12	Thăm nhân viên Nguyễn T. Trang mỗ	1.000.000
				
56	BC31	27/12	Nhập quỹ TG TK NH Á Châu	800.670.000
				
			Cộng	2.069.414.741

Số tiền bằng chữ: Hai tỷ không trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm mười bốn nghìn bảy trăm bốn mươi một đồng.

*(Kèm theo.....chứng từ gốc).***Người lập bảng kê***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Người duyệt***(Ký, họ tên)*

Mẫu số S03a1-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Năm:.....

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK	Ghi có TK			
	SH	NT					TK khác	
							Số tiền	SH
A	B	C	D	1	2	3	4	E
Số trang trước chuyển sang								
Cộng chuyển sang trang sau								

- Sổ này có.....trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 3.3.4: Trích sổ nhật ký thu tiền tháng 12

Đơn vị: Cty TNHH MTV Huy Ngọc**Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão – LKT – HP****Mẫu số S03a1-DNN***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ THU TIỀN**

Năm: 2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các TK			
	SH	NT			141	511	3331	TK khác
Cộng trang trước chuyển sang				1.590.116.000				
								
10/12	PT301	10/12	Thu hoàn tạm ứng Phạm Sơn Tùng	1.720.000	1.720.000			
								
12/12	PT316	12/12	Bán bao tải đại cho Cty CPDVTM cung ứng vật tư Thành Phát, thu bằng tiền mặt	14.335.000		13.050.000	1.305.000	
								
Cộng chuyển trang sau				1.911.340.000	110.000.000	701.000.000	90.632.000	1.009.708.000

- Sổ này có.....trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang...

- Ngày mở sổ:.....

Người lập bảng kê*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Biểu 3.3.6: Trích sổ nhật ký chi tiền T12**Đơn vị: Cty TNHH MTV Huy Ngọc****Địa chỉ: Số 6D Phạm Ngũ Lão – LKT – HP****Mẫu số S03a1-DNN***(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC**Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)***SỔ NHẬT KÝ CHI TIỀN**

Năm: 2012

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Nợ TK 111	Ghi Có các TK			
	SH	NT			133	338	642	TK khác
Cộng chuyển trang trước				1.987.165.000				
								
14/12	PC201	14/12	Nộp tiền điện tháng 11	2.425.000	220.500		2.205.000	
								
20/12	PC216	20/12	Thăm nhân viên Nguyễn Thu Trang mổ	1.000.000		1.000.000		
								
Cộng chuyển trang sau				1.636.395.520	75.005.000	390.142.512	45.504.520	1.125.3743.488

- Sổ này có.....trang, đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang...
- Ngày mở sổ:.....

Người lập bảng kê*(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Giám đốc***(Ký, họ tên)*

Ý kiến 3: Công ty nên lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ nhằm giúp cho những nhà quản lý có được các quyết định nhanh chóng và chính xác.

Đơn vị báo cáo :

Địa chỉ:.....

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Năm....

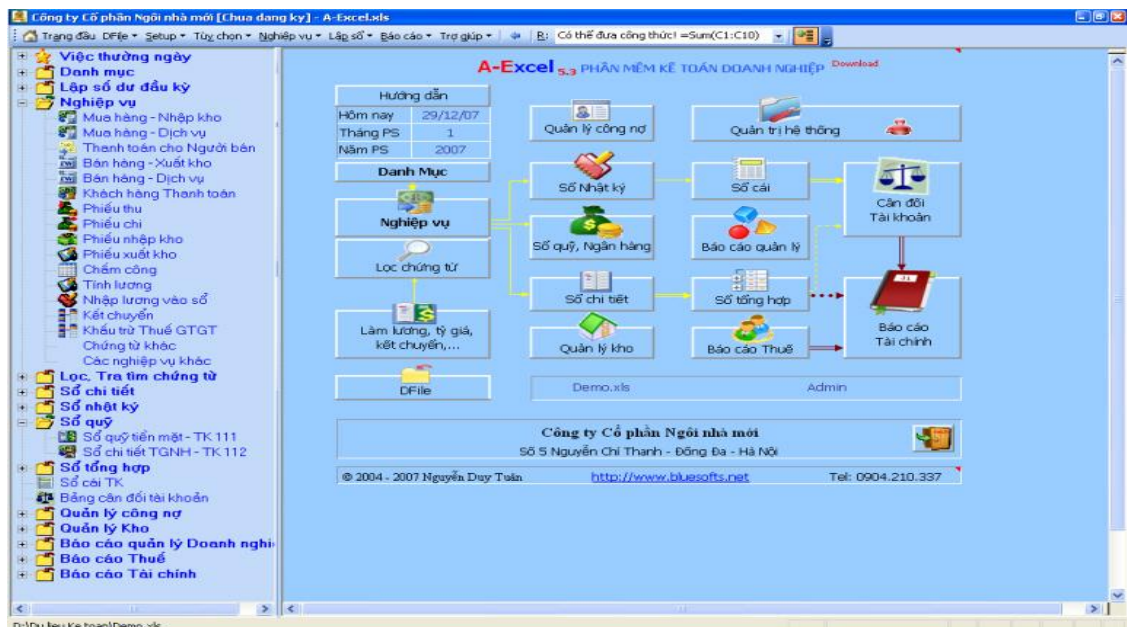
Đơn vị tính: ...

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03			
4. Tiền chi trả lãi vay	04			
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06			
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34		

Ý kiến 4: Do công ty chưa có một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể cũng như một kế hoạch thanh toán tiền công nợ nên dẫn đến tình trạng số tiền mặt có tại quỹ của Công ty không ổn định, có lúc ít quá lại có lúc nhiều làm vòng quay của vốn bị chậm lại. Để khắc phục nhược điểm này, Công ty nên xây dựng một định mức tiền mặt tồn quỹ cụ thể trong từng kỳ hạch toán căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền trong kỳ. Định mức này có thể được xê dịch trong kỳ hạch toán, nhưng không được phép tăng quá cao hoặc quá thấp gây ra tình trạng bất ổn trong quỹ tiền mặt tại Công ty. Bên cạnh đó Công ty cũng lập kế hoạch thu hồi và thanh toán công nợ sao cho số tiền sẽ phải trả nợ cũng như số tiền nợ sẽ thu hồi cân đối nhau, đảm bảo nhu cầu thu chi tiền mặt tại quỹ của Công ty.

Ý kiến 5: Công ty nên thuê thiết kế phần mềm kế toán riêng cho công ty, tuy có tốn kém nhưng đem lại hiệu quả cho công việc cao. Nó tiết kiệm thời gian của kế toán, giúp kế toán hàng tháng làm sổ sách, báo cáo nhanh hơn, thuận lợi hơn, điều đó đồng hành với việc kế toán sẽ có thời gian làm các việc khác phục vụ cho Công ty ngày càng phát triển hơn

A-Excel - Phần Mềm Kế Toán Doanh Nghiệp



*(Phù hợp cho các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ nhỏ
và vừa và các cửa hàng kinh doanh...)*

Ưu điểm nổi bật của phần mềm kế toán A-Excel là:

- Rất dễ dùng
 - Linh động, tùy biến cao
 - 100% báo cáo trên Excel
 - Tự động hóa cao trong nhập liệu
 - Quản lý chặt chẽ người dùng
 - Một máy cho phép làm kế toán cho nhiều công ty, rất phù hợp cho những người làm về dịch vụ kế toán
- Quy tắc sử dụng (theo trình tự)
 - Nhập thông tin về doanh nghiệp. Các tham số hệ thống.
 - Tạo mã trong các danh mục, như: danh mục hàng hóa, danh mục khách hàng,...
 - Nhập các chứng từ (nghiệp vụ phát sinh) theo các mẫu nhập trong phần mềm. Quá trình nhập chứng là việc ghi lại các thông tin về giao dịch và định khoản kế toán, việc định khoản có thể tự động hoặc bạn tự thay đổi. Các chứng từ đi cùng có thể tự động sinh ra như phiếu nhập, phiếu xuất, phiếu thu, phiếu chi.
 - Ví dụ: *Nhập hóa đơn mua hàng thanh toán ngay*
 Chương trình sẽ tạo cho bạn 3 chứng từ:
 - Chứng từ mua hàng (CT Thuế)
 - Phiếu nhập kho
 - Phiếu chi

Tất cả hệ thống các sổ nhật ký, sổ chi tiết, sổ tổng hợp, báo cáo thuế, báo cáo tài chính chương trình tự động thực hiện.

❖ Phần mềm kế toán MISA SME.NET



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 từ lâu đã trở thành người bạn đồng hành đáng tin cậy của hàng chục nghìn doanh nghiệp Việt Nam. Không chỉ bởi sự uy tín của thương hiệu MISA - Phần mềm phổ biến nhất khách hàng lựa chọn phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 mà còn bởi chính những tính năng ưu việt và tiện ích mà phần mềm mang lại. Dưới đây là các lý do khách hàng lựa chọn MISA SME.NET 2012 cho hoạt động tài chính kế toán của doanh nghiệp mình

- ✓ Cập nhật các chế độ kế toán, tài chính mới nhất
- ✓ Tính giá thành theo nhiều phương pháp
- ✓ Phân tích tài chính chuyên nghiệp
- ✓ Lập dự toán ngân sách và quản lý thu, chi hiệu quả
- ✓ Thanh toán ngân hàng trực tuyến
- ✓ Kết xuất trực tiếp báo cáo có mã vạch, hỗ trợ nộp hồ sơ khai thuế qua mạng
- ✓ Chi phí đầu tư thấp
- ✓ Hệ thống hỗ trợ rộng khắp và đa dạng
- ✓ Sử dụng công nghệ hiện đại

KẾT LUẬN

Sau thời gian nghiên cứu thực tập tại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Huy Ngọc, em đã học hỏi được rất nhiều điều bổ ích và thực tế. Công tác kế toán vốn bằng tiền có ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty. Thực hiện tốt kế toán vốn bằng tiền là góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, giúp công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ. Từ đó em thấy rằng chỉ có lý thuyết thôi thì chưa đủ mà phải biết vận dụng lý thuyết vào thực tế một cách khoa học và phù hợp với điều kiện của Công ty.

Là một sinh viên, do còn hạn chế nhiều mặt về thời gian và kiến thức, nên rất nhiều điều em chưa hiểu sâu và hiểu rộng. Nhưng nhờ sự chỉ bảo tận tình của ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng và sự quan tâm giúp đỡ của Công ty, phòng ban kế toán đã giúp em hiểu được nhiều điều mà lý thuyết còn chưa rõ và đồng thời giúp em hoàn thiện đề tài này. Mặc dù đề tài “Vốn bằng tiền” em trình bày khó tránh khỏi sai sót, nên em rất mong đóng góp, phê bình từ cô giáo, phòng kế toán của Công ty để đề tài này được hoàn thiện.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong tổ bộ môn kế toán, đặc biệt là ThS. Nguyễn Thị Thúy Hồng và ban lãnh đạo Công ty, phòng kế toán giúp em hoàn thiện đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!